

Ngộ Đạt Thiền Sư

Kinh thủy sám

Dịch giả: Sa môn Thích Huyền Dung



- 1 -

Tội từ tâm khởi

Cũng từ tâm diệt

Tội diệt tâm không

Cả hai đều hết

Nguyện nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng ba chướng tiêu trừ. Nguyện tân duyên, cựu duyên, oan trái duyên, mọi duyên giải thoát.

Tựa

Con người là trung tâm điểm. Hoạt động của con người chi phối hết thảy. Cho nên muốn xây dựng một xã hội mới, trước hết phải đổi mới chính con người.

Đó là điều mà khi nào nói đến đạo Phật ta cũng phải nhớ, bởi vì đạo Phật là đạo căn bản, chú trọng đến cái căn bản là con người. Cho nên hầu hết phương pháp đạo Phật đều thiết lập trên sự xác nhận

ấy. Thí dụ phương pháp sám hối là một.

Sám hối nghĩa là tự giác, đổi mới, để đi đến địa vị hoàn nhân: một nhân cách hoàn toàn viên mãn, mới mẻ. Mà con người đã là trung tâm điểm thì con người phải mới đã, xã hội, gia đình của con người mới. Còn con người bị bỏ rơi, thì cái gì vào tay con người ấy cũng nguy hiểm; và kết quả, con người đã cũ, thì gia đình xã hội con người ấy dù được gọi hạnh phúc, cũng chỉ là đau khổ trá hình.

Cho nên sám hối là phương pháp cần thiết giúp cho những người thành thật muốn tự đổi mới, muốn xây dựng một xã hội an lạc.

Nhưng muốn sám hối phải làm sao? Phải có sự tự giác ở trong và phải có sự quy hướng ở ngoài giúp thêm.

Sự tự giác ở trong hệ trong là 4 điều này:

1. Tàm quý: thấy nhân cách thấp kém là tự sỉ nhục.
2. Yếm ly: thấy thân mệnh là vật đáng hy sinh.
3. Bỏ đề tâm: lập chí cứu người cứu vật.
4. Quán thân Phật: đó là một hoàn nhân mà ta phải thực hiện cho kỳ được.

Sự quy hướng ở ngoài thì không ngoài Tam Bảo:

1. Phật Đà: đáng giác ngộ thật sự.
2. Đạt Ma: sự thật của vạn vật.
3. Tăng Già: người thật hành sự thật.

Đức Phật từng dạy: "ngã ở đâu chống ở đó" và dạy: "tội từ tâm sinh phải do tâm diệt."

Cho nên sám hối thì trong phải có các tâm thù thắng, ngoài phải cầu các đáng đại giác. Cầu nguyện các đáng đại giác là cầu sự chứng minh của các vị hoàn nhân để giúp cho ta bền chí hoàn thành cái địa vị ấy. Còn sự cầu đảo chỉ là cầu đảo...

Do những điều trình bày trên, bây giờ ta có thể thấy sám hối là phương pháp cần thiết cho tất cả mọi người ở trong mọi trường hợp. Một xã hội an lạc có thể thật hiện dễ dàng, nếu tất cả mọi người đều có chút tự giác trong mỗi một hành động, rằng "có hợp lý không?" Và trong ba tạng Thánh giáo, bộ thủy sám phổ thông nhất là vì thế. Nhận thấy sự quan hệ ấy nên trong kỳ an cư năm 2512, pháp hữu tôi, thầy giảng sư Thích Huyền Dung, vừa hành sám vừa phiên dịch bộ Thủy Sám này ra quốc ngữ. Khi hoàn thành rồi, có hai pháp hữu Trí Đức và Trí Nghiễm khảo duyệt. Thật là một công đức viên mãn. Tôi nhất tâm tùy hỷ nên viết mấy hàng để giới thiệu tính cách hệ trọng của phương pháp sám hối và bộ Thủy Sám này.

Ngày kỷ niệm xuất gia của Bồn Sư năm 1513

Thích Trí Quang

Duyên khởi

Thiết nghĩ ngoài những kinh, luật, luận của Thánh giáo đã phiên dịch, nhiều sách vở của hiền nhân chế tác về sau đều do nơi sự cảm ứng mà làm ra. Nếu riêng từng phẩm loại mà nói, thì không dễ gì kể ra cho hết được. Ngay như bản linh văn này mà gọi là Thủy Sám, tôi xin nói rõ căn do.

Thuở xưa về triều vua Đường Ý Tôn có một vị quốc sư hiệu là Ngô Đạt, tên là Tri Huyền. Lúc chưa hiển đạt, ngài thường gặp gỡ nhà sư ở đất kinh sư trong một ngôi chùa nọ. Nhà sư ấy mắc bị Ca la ma (bệnh cùi) ai cũng gớm, chỉ có ngài Tri Huyền là gần gũi hỏi han, không hề nhàm chán. Nhân khi chia tay, nhà sư vì quá cảm kích phong thái của ngài Tri Huyền mới dặn rằng:

- Sau này có nạn chi ông nên qua núi Cửu Lũng tại Bành Châu đất

Tây Thục tìm tôi và nhớ trên núi ấy có hai cây tùng làm dấu chỗ tôi trú ngụ.

Sau đó ngài Ngô Đạt quốc sư đến ở chùa An Quốc thì đạo đức của ngài càng vang khắp. Vua Ý Tôn thân hành đến pháp tịch nghe ngài giảng đạo. Nhân đó vua mới ân tứ rất hậu cho ngài cái pháp toạ bằng gỗ trầm hương và từ đó trên đầu gối của ngài bỗng nhiên mọc mụn ghẻ tựa như mặt người, đau nhức khôn xiết! Ngài cho mời tất cả các bậc danh y, nhưng không ai chữa được. Nhân ngài nhớ lại lời dặn trước bèn đi vào núi mà tìm.

Trên đường đi, trời đã mờ tối, trong khoảnh âm u mây bay khói tỏa mịt mù, ngài nhìn xem bốn phía, bỗng thấy dạng hai cây tùng ngài mới tin rằng lời ước hẹn xưa kia không sai. Ngài liền đi ngay đến chỗ đó, quả nhiên thấy lầu vàng điện ngọc lộng lẫy nguy nga, ánh quang minh chói rọi khắp nơi. Trước cửa nhà sư đang đứng chờ đón ngài một cách thân mật.

Nhân ở lại đêm, ngài Ngô Đạt mới tỏ hết tâm sự đau khổ của mình. Nhà sư ấy nói:

- Không hề gì đâu, dưới núi này có một cái suối, sáng ngài rửa mụn ghẻ ấy khỏi ngay.

Mờ sáng hôm sau một chú tiểu đồng dẫn ngài ra ngoài suối. Ngài vừa bụm nước lên rửa thì mụn ghẻ kêu lên:

- Đừng rửa vội. Ông học nhiều biết rộng đã khảo cứu các sách cổ kim mà có từng đọc đến chuyện Viên Áng, Tiều Thố chép trong bộ Tây Hán chưa?

- Tôi có đọc.

- Ông đã đọc rồi có lẽ nào lại không biết chuyện Viên Áng giết Tiều Thố vậy. Thố bị chém ở chợ phía Đông oan ức biết đường nào. Đời

đời tôi tìm cách báo thù ông, song đã mười kiếp ông làm bậc cao tăng, giới luật tinh nghiêm, nên tôi chưa tiện bề báo oán được. Nay vì ông được nhà vua quá yêu chuộng nên khởi tâm danh lợi làm tổn giới đức, tôi mới báo thù được ông. Nay nhờ ngày Ca Nhã Ca tôn giả lấy nước pháp tam muội rửa oán cho tôi rồi, từ đây trở đi tôi không còn báo oán ông nữa.

Ngài Ngộ Đạt nghe qua hoảng sợ liền vội vàng bụm nước dội rửa mụn ghẻ làm nhức nhối tận xương tủy, chết giấc hồi lâu mới tỉnh. Khi tỉnh lại thì không thấy mụn ghẻ ấy nữa. Nhân đó ngài mới biết thánh hiền ẩn tích kẻ phạm tình không thể lường được. Ngài muốn trở lên lạy tạ vị sư, nhưng ngó ngoảnh lại thì ngôi bửu điện kia đã biến mất từ bao giờ. Vì thế ngài bèn lập một cái thảo am ngay chỗ ấy và sau trở thành một ngôi chùa. Đến năm Chí Đạo triều nhà Tống mới sắc hiệu là "Chí Đức Thiền Tự". Có một vị cao tăng làm bài ký sự ghi chép việc này rõ ràng.

Khi đó ngài Ngộ Đạt nghĩ đến nỗi oan trái đã bao đời nếu không gặp thánh nhân thì do đâu giải khỏi được. Vì cảm niệm cái ơn tế độ lạ lùng ấy, ngài mới thuật ra pháp sám này để mai chiều lễ tụng, sau truyền bá khắp thiên hạ.

Ba quyển sám đây tức là bài văn của ngài làm ra lúc đó vậy.

Nghĩa chính của bài văn này là lấy nước tam muội rửa sạch nghiệp oan nên mới đặt tên là Thủy Sám. Lại ngài Ngộ Đạt cũng vì cảm điềm dị ứng của đức Ca Nhã Ca nên dùng tên ấy mà đặt tên bộ sám văn này để đáp cái thâm ân kia.

Nay tôi kể rõ sự thật và nêu công của tiên đức để cho những người đọc bộ sám văn này, hoặc lễ hoặc tụng đều biết được sự tích của tiên hiền vì lẽ nhân quả tuy nhiều kiếp cũng không sai chạy.

(Bài này tôi cố tìm tên tác giả mà không thấy).

Phản nghị lễ

Cúng hương tán Phật

Nguyện thử diệu hương vân,

Biển mẫn thập phương giới.

Cúng dường nhất thể Phật,

Tôn pháp chư Bồ Tát.

Vô biên Thanh Văn chúng,

Cập nhất thể Thánh Hiền

Duyên khởi quang minh đài,

Xứng tánh tác Phật sự.

Phổ huân chư chúng sanh,

Giai phát Bồ đề tâm

Viễn ly chư vọng nghiệp,

Viên thành vô thượng đạo.

(Xá 3 xá rồi đọc bài kỳ nguyện)

Kệ tán dương Phật Bảo

Pháp vương vô thượng tôn

Tam giới vô luân thất

Thiên như chi Đạo Sư

Tứ sanh chi Từ Phụ

Ư nhưt niệm quy y

Năng diệt tam kỳ nghiệp

Xưng dương nhược tán thán
Ước kiếp mạc năng tận.

Kỳ nguyện

Tư thời đệ tử chúng đẳng phúng tụng kinh chú, xưng tán Hồng Danh, tập thủ công đức, nguyện thập phương thường trú Tam Bảo, Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Đại bi hội thượng Phật Bồ Tát, từ bi gia hộ Phật tử... pháp danh... phiền não đoạn diệt, nghiệp chướng tiêu trừ, thường hoạch kiết tường, vĩnh ly khổ ách. Phổ nguyện: âm siêu dương giới, hải yến hà thanh, pháp giới chúng sinh, tề thành Phật đạo.

(đứng dậy cắm hương lên lư rồi chắp tay đứng thẳng và niệm lớn)

Quán tưởng

Năng lễ, sở lễ tánh không tịch,
Cảm ứng đạo giao nan tư nghì,
Ngã thủ đạo tràng như Đế châu,
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung,
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ.

- Chí tâm đánh lễ: nam mô tận hư không, biến pháp giới, quá, hiện, vị lai, thập phương chư Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng, thường trụ Tam Bảo. (1 lạy)

- Chí tâm đánh lễ: nam mô Ta Bà Giáo Chủ, Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, đương lai hạ sanh Di Lặc Tôn Phật, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, Hộ Pháp chư Tôn Bồ Tát, Linh Sơn

Hội Thượng Phật Bồ Tát. (1 lạy)

- Chí tâm đảnh lễ: nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. (1 lạy)

Tán dương chí

Dương chí tịnh thủy,

Biến sai tam thiên,

Tánh không bát đức lợi hơn thiên,

Pháp giới quảng tăng diên...

Diệt tội tiêu khiên,

Hỏa diệm hoá Hồng liên.

Nam mô Thanh Lương Địa Bồ Tát (3 lần)

Chú Đại Bi

Nam mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát (3 lần)

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà la ni.

Nam mô hắc ra đất na đa ra dạ da. Nam mô a rị da. Bà lô kiết đế
thước bát ra da. Bồ đề tát đỏa bà da. Ma ha tát đỏa bà da. Ma ha
ca lô ni ca da. Án tát bàn ra phạt duệ. Số đất na đất tỏa. Nam mô tát
kiết lật đỏa y mông a rị da. Bà lô kiết đế thất phạt ra lăng đà bà.

Nam mô na ra cần trì. Hê rị ma ha bàn đa sa mế. Tát bà a tha đậu
thâu bằng. A thệ dụng. Tát bà tát đa, na ma bà dà. Ma phạt đạt
đậu. Đất diệt tha. Án, a bà lô hê, lô ca đế. Ca ra đế, ca ra đế. Di hê
rị. Ma ha bồ đề tát đỏa. Tát bà tát bà. Ma ra ma ra, ma hê ma hê rị
đà dụng. Cu lô cu lô kiết mông. Độ lô độ lô phạt xà da đế, ma ha
phạt xà da đế. Đà ra đà ra. Địa rị ni. Thất phạt ra da, dá ra dá ra,

mạ mạ phạt mạ ra. Mực đế lệ, y hê di hê, thất na thất na. A ra sâm phạt ra xá lợi, phạt sa phạt sâm. Phạt ra xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị. Ta ra ta ra, tất rị tất rị. Tô rô tô rô. Bồ đề dạ bồ đề dạ. Bồ đà dạ bồ đà dạ. Di đế rị dạ, na ra cần trì, địa rị sắc ni na. Ba dạ ma na, ta bà ha. Tất đà dạ, ta bà ha. Ma ha tất đà dạ, ta bà ha. Tất đà du nghệ. Thất bàn ra dạ, ta bà ha. Na ra cần trì, ta bà ha. Ma ra na ra, ta bà ha. Tất ra tăng a mực khô da, ta bà ha. Ta bà ma ha a tất đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma kiết tất đà dạ, ta bà ha. Na ra cần trì bàn đà ra dạ, ta bà ha. Ma bà lị thắng kiết ra dạ, ta bà ha. Nam mô hắc ra đất na đa ra dạ da. Nam mô a rị da, bà lô kiết đế. Thước bàn ra dạ, ta bà ha. Án, tất điện đô, mạn đa ra, bạt đà dạ, ta bà ha. (3 lần)

Nam mô Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)

Khai kinh kệ

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ,
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì,
Nguyện giải Như Lai chơn thiệt nghĩa.

Từ Bi Tam Muội Thủy Sám

Pháp từ bi thủy sám

(quyển thượng)

Tất cả chư Phật, thương xót chúng sinh, nói pháp lập đàn Thủy Sám. Chúng sinh vì nghiệp cấu nặng nề nên không một ai tránh khỏi tội lỗi. Những kẻ phạm phu bị màn vô minh che lấp, gần gũi bạn ác,

phiền não loạn tâm, tính không hiểu biết, nên cứ buông lòng tự thị, không tin tưởng mười phương chư Phật, không tin tôn pháp cùng các bậc thánh tăng, bất hiếu cha mẹ, không kính nhường bà con. Tuổi trẻ phóng túng, kiêu căng ngạo mạn, đối với các vật quý báu, các thứ ca nhạc, các sắc đẹp trai gái thường sinh tâm tham luyến, ý khởi phiền não, lân la với người hư, tập tành theo bạn ác, không biết chừa đổi. Hoặc giết hại các giống sinh linh, hoặc uống rượu mê man mất hết trí tuệ, rồi thường cùng với chúng sinh tạo nghiệp phá giới. Những tội lỗi ở quá khứ, cùng tội ác ở hiện tại, ngày nay chỉ thành xin sám hối hết thảy, còn các tội lỗi về sau không dám làm nữa. Bởi thế hôm nay chúng con dốc lòng thành kính quy y hết thảy các đức Phật, các vị đại Bồ Tát, Bích Chi, La Hán, Phạm Vương Đế Thích, Thiên long bát bộ và tất cả thánh chúng trong mười phương hư không thế giới cầu xin dũ lòng chứng giám.

Lễ Phật và Bồ Tát

Nam mô Tỳ Lô Giá Na Phật,
Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,
Nam mô A Di Đà Phật,
Nam mô Di Lặc Phật,
Nam mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật,
Nam mô Giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật,
Nam mô Ca Sa Tràng Phật,
Nam mô Sư Tử Hống Phật,
Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát,
Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát,
Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát,

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát,
Nam mô Đại Trang Nghiêm Bồ Tát,
Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát.

Đảnh lễ các đức Phật rồi, lại đến sám hối. Nhưng muốn lễ sám trước phải kính lễ Tam Bảo, vì Tam Bảo là bạn lành, là ruộng phúc của tất cả chúng sinh. Nếu qui hướng Tam Bảo thì diệt được vô lượng tội, thêm được vô lượng phúc khiến người làm đạo thoát khỏi sinh tử, được vui giải thoát. Vì vậy cho nên chúng con tên là...

Quy y hết thầy chư Phật trong mười phương hư không thế giới. (1 lạy)

Quy y hết thầy tôn Pháp trong mười phương hư không thế giới. (1 lạy)

Quy y hết thầy thánh Tăng trong mười phương hư không thế giới. (1 lạy)

Sở dĩ ngày nay chúng con sám hối, chính vì từ vô thủy nhẫn lại, còn ở địa vị phàm phu bất cứ sang hèn, tội lỗi không lường: hoặc do ba nghiệp gây nên tội lỗi, hoặc bởi sáu căn gây nên tội lỗi, hoặc vì nội tâm vọng tưởng, hoặc vì ngoại cảnh mê hoặc sinh lòng nhiễm trước. Như thế cho đến mười điều ác nghiệp, tám vạn bốn ngàn trần lao. Những tội lỗi ấy tuy nhiều vô lượng, nhưng không ngoài ba điều: phiền não, nghiệp chướng, quả báo ba ác pháp này, là pháp chướng ngại thánh đạo, ngăn trở quả báo tốt đẹp nhân thiên. Thế nên kinh gọi là ba chướng, vì vậy chư Phật, Bồ Tát dạy làm những pháp phương tiện sám hối trừ diệt. Ba chướng ấy diệt thì sáu căn, mười ác, cho đến tám vạn bốn ngàn trần lao thấy đều thanh tịnh.

Hôm nay chúng con tên là..., đem hết lòng thành, vận tâm thù thắng sám hối ba chướng. Muốn diệt ba chướng phải dùng những tâm

niệm này: trước phải phát bảy tâm thù thắng làm phương tiện, sau mới trừ diệt.

Một là tâm tử hỏ; hai là tâm e sợ; ba là tâm chán xa; bốn là tâm bỏ
đề; năm là tâm oán thân bình đẳng; sáu là tâm nghĩ báo ân Phật; bảy
là tâm quán xét tội tính vốn không.

Thứ nhất tâm tử hỏ, là tự nghĩ ta với đức Thích Ca đồng là phàm
phu, mà đức Thế Tôn đã thành đạo đến nay trải qua nhiều số kiếp
như cát bụi, chúng ta thì lại còn cùng nhau say đắm lục trần trôi lăn
trong vòng sinh tử, chưa biết bao giờ ra khỏi. Như thế thật là đáng
thẹn đáng hổ nhất trong thiên hạ.

Thứ hai tâm e sợ, đã làm phàm phu thì thân, khẩu, ý nghiệp thường
thuận ứng với tội lỗi. Bởi nhân duyên ấy sau khi chết phải đoạ vào
địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chịu khổ vô cùng. Như thế thật là đáng
kinh đáng sợ.

Thứ ba tâm chán xa, là chúng ta thường cùng nhau quán sát trong
đường sinh tử, chỉ là vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, hư giả
như bọt nước nổi, tan, xoay vần qua lại như bánh xe lăn; còn thêm
sinh, già, bệnh, chết, tám khổ, nung nấu không dừng. Chúng ta xem
xét ngay trong thân thể, từ đầu đến chân có 36 thứ: tóc, lông, răng,
móng, ghèn, nước mắt, nước mũi, nước miếng, gàu, mồ hôi, đại tiện,
tiểu tiện, da dày, da mỏng, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, mỡ
chài, mỡ nước, óc, màng, lá lách, thận, tim, phổi, gan, mật, ruột dạ
dày, đờm đỏ, đờm trắng, sinh tạng, thực tạng, thường bài tiết ra chín
lỗi. Nên trong kinh nói: thân này là chỗ chứa các khổ não, đầy dẫy
bất tịnh, nên kẻ trí giả chẳng hề yêu dấu. Trong vòng sinh tử đã có
những cái xấu xa như thế, thực là đáng lo đáng chán!

Thứ tư phát tâm Bồ đề. Kinh nói: "Nên muốn thân Phật vì thân Phật tức là pháp thân. Pháp thân ấy do vô lượng công đức trí tuệ sinh ra, do tu sáu pháp ba la mật sinh ra, do từ bi hỉ xả sinh ra, do tu 37 pháp trợ bồ đề sinh ra. Do những công đức trí tuệ ấy sinh ra thân Như Lai. Muốn được thân đó thì phải phát tâm Bồ đề, cầu được nhất thiết chủng trí, thường, lạc, ngã, tịnh, chứng quả Tát Bà Nhã thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sinh, chẳng tiếc thân mạng tài sản.

Thứ năm tâm oán thân bình đẳng, là đối với tất cả chúng sinh, mở lòng từ bi không phân nhân ngã. Vì nếu còn thấy kẻ oán khác với người thân, tức còn có sự phân biệt. Bởi có phân biệt mới có chấp trước, bởi có chấp trước mới sinh phiền não, bởi sinh phiền não mới tạo nghiệp dữ, bởi tạo nghiệp dữ mới chịu quả báo.

Thứ sáu tâm nghĩ báo ân Phật. Đức Như Lai từ vô lượng kiếp đã vì chúng ta mà bỏ cả đầu, mắt, tủy, não, tay chân, xương thịt, quốc thành, vợ con, voi ngựa, thất bảo, tu hành khổ hạnh. Ơn ấy, đức ấy thật khó báo đền. Vì vậy kinh nói: Giả sử đầu đội vai mang, trải qua số kiếp như hằng hà sa, cũng khó đền đáp ơn Phật. Chúng ta muốn đền đáp công ơn của đức Như Lai, trong đời này phải dũng mãnh, tinh tiến, gắng chịu khổ nhọc không tiếc thân mệnh, gây dựng Tam Bảo, hoằng dương giáo pháp đại thừa, hóa độ chúng sinh, đồng vào ngôi Chính Giác.

Thứ bảy tâm quán xét tội tính không thật, là tội không tự tính, do nhân duyên sinh, do duyên đảo thành, đã do nhân duyên sinh thì cũng do nhân duyên diệt. Nhân duyên sinh tội tức là gần gũi bạn ác, gây nghiệp vô cùng. Nhân duyên diệt tội tức là ngày nay tịnh tâm sám hối. Thế nên kinh dạy: "Tội tính không phải ở trong, không phải ở ngoài, không ở chặng giữa. Nên biết tội tính vốn không."

Khởi bầy thứ tâm như trên ấy rồi, lại duyên tưởng đến mười phương chư Phật cùng các hiền thánh. Cung kính chấp tay phôi bày tâm can tỏ lòng cầu khẩn hổ thẹn sám hối. Sám hối như thế, tội nào không diệt, phúc nào không sinh. Nếu không hết lòng sám hối, cứ lần lữa biếng nhác, tình tự buông lung thì chỉ khổ nhọc cho mình, chứ không ích lợi gì cả. Vả lại mạng người vô thường như quay bó đuốc. Khi hơi thở không trở lại thì thân này đồng như tro đất, khổ báo trong ba đường, chính mình phải chịu, không thể nhờ tiền tài, của báu lo để thoát khỏi, ở mãi trong cảnh mịt mù không có kỳ hạn ân xá, riêng mình chịu khổ, không ai thay thế.

Đừng cho rằng trong đời này ta không gây tội, mà không ân cần cầu sám hối, vì trong kinh nói: "Kẻ phạm phu mỗi khi động chân cất bước là đã có tội." Lại trong những đời quá khứ đã gây nên nhiều điều ác nghiệp, không thể kể xiết, nó thường theo dõi như bóng theo hình. Nếu không sám hối thì tội ác càng ngày càng sâu. Nên biết rằng hễ che dấu tội lỗi mình, thì Phật còn không dung cho, tỏ bày để sám hối thì ngài Tịnh Danh kính chuộc. Bởi thế nên biết chúng sinh bị chìm đắm mãi trong bể khổ cũng do thói hay che dấu tội lỗi. Vì vậy ngày nay chúng con xin phát lộ sám hối, không dám che dấu.

Ba chương: một là phiền não, hai là nghiệp chương, ba là quả báo. Ba thứ chương này làm nhân cho nhau, như do phiền não mới sinh ác nghiệp, do ác nghiệp mà phải chịu khổ báo. Vì thế ngày nay chúng con xin hết lòng sám hối.

Thứ nhất sám hối các nghiệp chương phiền não, vì những phiền não ấy đều do ý gây ra, vì khi ý nghiệp phát khởi, thì thân nghiệp, khẩu nghiệp theo đó phát động. Ý nghiệp có tham lam, có giận dữ, có ngu muội; bởi ngu muội mới sinh tà kiến mà gây lắm việc ác. Vì vậy kinh

nói: "Ba nghiệp tham, sân, si làm cho chúng sinh đoạ lạc trong ba đường: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chịu khổ vô cùng. Nếu được làm người cũng phải chịu những ác báo phiền não: nghèo nàn, túng thiếu, côi cút lại thêm tính nết hung hăng càn bướng, ngu độn, không biết phải quấy.

Ý nghiệp đã gây nhiều ác quả như thế, nên ngày nay chúng con dốc lòng đem hết thân mệnh nương về chư Phật, cầu xin sám hối.

Những phiền não ấy, chư Phật, Bồ Tát, các bậc thánh nhân, đã thấu tỏ chân lý, đủ mọi điều quả trách. Gọi phiền não này là oán gia, vì phiền não làm dứt mất tuệ căn, tuệ mạng của chúng sinh; cũng gọi phiền não này là giặc cướp, vì cướp mất các pháp lành của chúng sinh; cũng gọi phiền não này là cái thác chảy mạnh, vì lôi cuốn chúng sinh vào bể khổ sinh tử; cũng gọi phiền não này là xiềng xích, vì ràng buộc chúng sinh trong ngục sinh tử không khi nào ra khỏi, cứ phải quanh quẩn mãi trong sáu nẻo bốn loài, gây nghiệp ác vô cùng, chịu quả khổ không ngớt. Thế mới biết những hoạn họa ấy đều do phiền não mà ra. Cho nên ngày nay vận tâm tăng thượng cầu xin sám hối. Từ vô thủy đến nay, chúng con hoặc chịu quả báo trong sáu đường, hề có tâm thức, thường ôm mối ngu hoặc đầy dẫy tâm can, hoặc nhân mầm tam độc tạo nên tất cả tội, hoặc nhân tam lậu tạo nên tất cả tội, hoặc nhân tam khổ tạo nên tất cả tội, hoặc duyên tam đảo tạo nên tất cả tội, hoặc tham tam hữu tạo nên tất cả tội. Những tội như thế vô lượng vô biên nào loạn tất cả bốn loài chúng sinh trong sáu đường. Ngày nay hổ thẹn đều xin sám hối.

Lại nữa chúng con từ vô thủy nhẫn lại, hoặc nhân bốn trụ tạo nên tất cả tội, hoặc nhân bốn lưu tạo nên tất cả tội, hoặc nhân bốn thủ tạo nên tất cả tội, hoặc nhân bốn chấp tạo nên tất cả tội, hoặc nhân bốn

duyên tạo nên tất cả tội, hoặc nhân bốn đại tạo nên tất cả tội, hoặc nhân bốn móc phọc tạo nên tất cả tội, hoặc nhân bốn tham tạo nên tất cả tội, hoặc nhân bốn sinh tạo nên tất cả tội.

Những tội như thế vô lượng vô biên, não loạn tất cả chúng sinh trong sáu đường. Ngày nay hổ thẹn, đều xin sám hối.

Lại nữa chúng con từ vô thủy nhĩn lại, hoặc nhân năm món trụ tạo nên tất cả tội, hoặc nhân năm món cái tạo nên tất cả tội, hoặc nhân năm món xan tạo nên tất cả tội, hoặc nhân năm món kiến tạo nên tất cả tội, hoặc nhân năm tâm tạo nên tất cả tội. Những phiền não như thế vô lượng vô biên, não loạn tất cả chúng sinh trong sáu đường, ngày nay tỏ bày cầu xin sám hối.

Lại nữa chúng con từ vô thủy nhĩn lại, hoặc nhân sáu căn tạo nên tất cả tội, hoặc nhân sáu thức tạo nên tất cả tội, hoặc nhân sáu tướng tạo nên tất cả tội, hoặc nhân sáu thụ tạo nên tất cả tội, hoặc nhân sáu hành tạo nên tất cả tội, hoặc nhân sáu ái tạo nên tất cả tội, hoặc nhân sáu nghi tạo nên tất cả tội. Những phiền não như thế vô lượng vô biên, não loạn tất cả chúng sinh trong sáu đường, ngày nay hổ thẹn tỏ bày, cầu xin sám hối.

Lại nữa chúng con từ vô thủy nhĩn lại, hoặc nhân bảy món lậu tạo nên tất cả tội, hoặc nhân bảy món sử tạo nên tất cả tội, hoặc nhân tám món đảo tạo nên tất cả tội, hoặc nhân tám món cấu tạo nên tất cả tội, hoặc nhân tám khổ tạo nên tất cả tội. Những phiền não như thế vô lượng vô biên, não loạn tất cả chúng sinh trong sáu đường, ngày nay tỏ bày, cầu xin sám hối.

Lại nữa chúng con từ vô thủy nhĩn lại, hoặc nhân chín não tạo nên tất cả tội, hoặc nhân chín kiết tạo nên tất cả tội, hoặc nhân chín duyên tạo nên tất cả tội, hoặc nhân mười phiền não tạo nên tất cả tội, hoặc

nhân mười một biến sử tạo nên tất cả tội, hoặc nhân mười hai nhập tạo nên tất cả tội, hoặc nhân mười sáu tri kiến tạo nên tất cả tội, hoặc nhân mười tám giới tạo nên tất cả tội, hoặc nhân hai mươi lăm ngã tạo nên tất cả tội, hoặc nhân sáu mươi hai kiến tạo nên tất cả tội, hoặc nhân chín mươi tám sử tạo nên tất cả tội, hoặc nhân một trăm tám mươi phiền não của kiến hoặc tư hoặc, đêm ngày bập bùng mở cửa hữu lậu gây nên tất cả tội, não loạn thánh hiền và bốn loài chúng sinh, đầy dẫy ba cõi, tràn khắp sáu đường, không còn chỗ trốn lánh. Ngày nay hết lòng cầu khẩn, hướng về mười phương chư Phật, tôn Pháp, thánh chúng, hổ thẹn giải bày đều xin sám hối.

Nguyện nhờ công đức sám hối tất cả phiền não ba độc, chúng con nguyện đời đời kiếp kiếp được ba thứ trí tuệ, ba món sáng tỏ, diệt được ba khổ, đầy đủ ba nguyện. Lại nguyện nhờ công đức đã sám hối tất cả phiền não vì bốn món thức... chúng con... đời đời kiếp kiếp được mở rộng bốn tâm bình đẳng, lập bốn tín nguyện, diệt bốn đường ác, được bốn vô úy. Nguyện nhờ công đức đã sám hối tất cả phiền não vì năm món cái... chúng con... đời đời kiếp kiếp, qua khỏi được năm đường, dựng được năm căn, năm thứ tịnh nhãn, thành tựu năm phần pháp thân. Lại nguyện nhờ công đức đã sám hối tất cả phiền não của sáu thụ... chúng con... đời đời kiếp kiếp được đầy đủ sáu món thân thông, sáu phép lục độ, không bị sáu trần mê hoặc, thường làm được sáu diệu hạnh. Lại nguyện nhờ công đức đã sám hối tất cả phiền não vì bảy lậu, tám cấu, chín kiết, mười triền... chúng con... đời đời kiếp kiếp được ngồi trên hoa thất tịnh, được tám người bát giải, đủ trí cứu đoạn, thành tựu hạnh thập địa.

Lại nguyện nhờ công đức đã sám hối tất cả phiền não vì mười một biến sử, mười hai nhập, mười tám giới... chúng con... đời đời kiếp

kiếp được hiểu mười một món không, tâm thường nương những món không ấy, tự tại chuyển nói mười hai hành pháp luân, đầy đủ mười tám món bất cộng pháp, vô lượng công đức đều viên mãn.

Phát nguyện xong, chí tâm kính lễ chư Phật.

Nam mô Tỳ Lô Giá Na Phật

Nam mô Bồ Đề Sư Thích

Nam Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô A Di Đà Phật

Nam mô Di Lặc Phật

Nam mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật

Nam mô Long Tự Tại Vương Phật

Nam mô Bảo Thắng Phật

Nam mô Giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật

Nam mô Ca Sa Tràng Phật

Nam mô Sư Tử Hống Phật

Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát

Nam mô Địa Tạng Bồ Tát

Nam mô Đại Trang Nghiêm Bồ Tát

Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát.

Đảnh lễ chư Phật rồi kết lại sám hối.

Phép sám hối chính là sửa đổi sự lỗi lầm đã qua, diệt ác làm lành.

Người đời ai không lỗi, như bậc hữu học lỡ mất chính niệm còn bị phiền não nổi lên, bậc La Hán có lúc kết tập phát khởi cũng còn

phạm phải những nghiệp thân, khẩu, ý huống kẻ phàm phu sao khỏi tội lỗi. Những người có trí biết trước, liền ăn năn hối lỗi, còn kẻ ngu si dấu diếm nên tội thêm tràn đầy, chất chứa lâu ngày không biết khi nào tỏ ngộ. Nếu biết hổ thẹn giải bày sám hối không những diệt được tội lỗi, còn thêm vô lượng công đức, gây dựng quả vị Niết bàn vi diệu của Như Lai. Muốn thật hành phép sám hối, trước hết, thân phải nghiêm trang tề chỉnh, chiêm ngưỡng tôn trọng, tâm phải khởi ý cung kính, theo pháp quán tưởng, hết lòng cầu khẩn, để tâm suy nghĩ hai điều: thứ nhất phải suy nghĩ thân mệnh khó giữ thường còn, một khi tan nát không biết đến bao giờ được lại. Nếu không gặp chư Phật cùng các bậc hiền thánh, lại gặp phải bạn ác, tạo thêm nhiều tội nghiệp, sẽ bị đoạ lạc chốn hiểm hang sâu. Thứ hai phải tự nghĩ ngày nay ta tuy gặp chánh pháp Như Lai, lại không biết vì Phật pháp nổi dối giống thánh, tẩy sạch ba nghiệp thân, khẩu, ý, để cư xử theo thiện pháp. Lại riêng làm việc ác, cố ý che đậy, nói người khác không biết, kẻ kia không thấy dấu kín trong lòng ngang nhiên không hổ thẹn. Như thế thật là một điều hết sức ngu hoặc trong thiên hạ.

Mười phương chư Phật, chư đại Bồ Tát cùng các vị thiên thần, lúc nào lại không dùng thiên nhãn thanh tịnh, mà soi thấy hết những tội ác của chúng ta gây tạo.

Vả lại, các thần linh ở chốn u minh ghi chép tội phúc không sai một mảy may nào. Nói đến những người đã làm nên tội lỗi, sau khi chết rồi bị ngục tốt đầu trâu trâu bắt tằm hồn đem nạp trước mặt Diêm Vương để tra xét điều phải trái. Bấy giờ tất cả kẻ oán cừu đang làm chứng nói: "Người trước kia mổ ta, giết ta, nấu, hầm, rang nướng

ta,..." hoặc nói: "Trước kia người cướp bóc lấy hết tiền bạc ta, ly gián quyền thuộc ta, ngày nay ta mới có dịp ở trước người làm chứng có rõ ràng đâu còn dấu diếm", chỉ đành cam chịu những tội lỗi trước.

Trong kinh nói rõ: ở địa ngục không bao giờ xử oan. Người nào ngày thường gây những tội gì, tuy đã quên mất, nhưng đến khi chết rồi, tất cả hình tướng ấy do các nghiệp ác độc tạo nên từ trước đều hiện ra, nói: "xưa kia người ở bên ta tạo những tội ác như thế, nay làm sao dấu diếm được?" Lúc đó tội nhân không còn chỗ nào che đậy. Ngay lúc ấy Diêm Vương nghiêng rặng quở trách rồi cho vào địa ngục, trải vô lượng kiếp chẳng hòng thoát khỏi. Việc đó chẳng phải xa lạ mà cũng không quan hệ gì với người, chính tự mình tạo tự mình phải chịu, dù chí thân như cha con, một khi quả báo đối đầu, cũng không thay thế cho nhau được.

Vậy nay chúng ta cùng được làm thân người khoẻ mạnh không bệnh tật, nên gắng sức tu hành tranh đua cùng thọ mệnh, khi đại nạn xảy đến, hối hận không kịp. Bởi thế chúng con dốc lòng, cầu xin sám hối. Từ vô thủy đến nay, chúng con bị vô minh che khuất tâm trí, do phiền não tạo các nghiệp ác trong ba đời. Hoặc say đắm dục lạc sinh ra phiền não ham muốn, hoặc giận dữ bực tức sinh ra phiền não hăm hại, hoặc tâm trí tối tăm sinh ra phiền não không hiểu rõ, hoặc ngã mạn tự cao sinh ra phiền não ngạo nghễ, hoặc nghi ngờ chánh đạo sinh ra phiền não do dự, hoặc bác không nhân không quả sinh ra phiền não tà kiến, hoặc không biết thân cảnh do nhân duyên giả hợp sinh ra phiền não chấp ngã, hoặc mê lầm trong ba đời sinh ra phiền não chấp thường chấp đoạn, hoặc gần gũi tà pháp sinh ra phiền não

kiến thủ, hoặc theo làm tà sư sinh ra phiền não giới thủ, cho đến do tất cả bốn món chấp thành ra phiền não chấp trước sai lầm... ngày nay chỉ thành, đều xin sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, bởi có tính bo bo lẫn tiếc, sinh ra phiền não keo bần, bởi không thấu nhiếp sáu căn, sinh ra phiền não buông lung, bởi dễ tâm làm những việc xấu xa ác độc, sinh ra phiền não bất nhẫn, bởi biếng nhác trễ nãi sinh ra phiền não không siêng năng, bởi hay ngờ vực lo nghĩ bông lông, sinh ra phiền não giác quán, bởi xúc cảnh mê hoặc sinh ra phiền não không hiểu biết, bởi theo tám thói xấu ở đời sinh ra phiền não nhân ngã, bởi dối trá khen trước mặt, chê sau lưng sinh ra phiền não tâm không ngay thẳng, bởi thô cứng khó dạy sinh ra phiền não không điều hòa, bởi dễ giận khó vui sinh ra phiền não uất hận, bởi hay ghen ghét đâm thọc sinh ra phiền não thâm độc, bởi trái với thánh đạo sinh ra phiền não chấp tướng, bởi không biết pháp tứ đế: khổ, tập, diệt, đạo sinh ra phiền não điên đảo, bởi cứ theo chiều sinh tử không diệt được mười hai nhân duyên sinh ra phiền não luân chuyển, cho đến do vô minh trụ địa, từ vô thủy khởi ra hằng sa phiền não, khởi tứ trụ địa, gây thành khổ quả trong ba cõi. Khổ quả phiền não vô lượng vô biên, não loạn hiền thánh, bốn loài chúng sanh trong sáu nẻo. Ngày nay giải bày trước mười phương chư Phật, tôn Pháp, thánh chúng, đều xin sám hối.

Nguyện nhờ công đức đã sám hối những phiền não tham, sân, si do ý nghiệp khởi ra, đời đời kiếp kiếp bể tràn kiêu mạn, khô nước ái dục, tắt lửa sân hận, phá tối ngu si, nhổ gốc nghi hoặc, xé lưới tà kiến, biết rõ ba cõi như ngục tù, tứ đại như rắn độc, ngũ ấm như kẻ

thù, lục nhập rỗng không, dối trá thân thiện, siêng tu tám món thánh đạo, dứt nguồn vô minh nhắm thẳng Niết bàn không hề dừng nghỉ, luôn luôn để tâm làm theo ba mươi bảy phẩm trợ đạo, cùng mười phép ba la mật thường được hiện tiền.

Sám hối phát nguyện rồi, hết lòng tin tưởng kính lễ thường trụ Tam Bảo.

Kinh thủy sám

Dịch giả: Sa môn Thích Huyền Dung

- 2 -

Pháp Từ Bi Thủy Sám (quyển trung)

Tất cả chư Phật vì thương xót chúng sinh mới nói pháp đạo tràng Thủy Sám. Ngày nay chúng con xin kính lễ chư Phật.

Nam mô Tỳ Lô Giá Na Phật

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô A Di Đà Phật

Nam mô Di Lặc Phật

Nam mô Long Chủ Thượng Tôn Vương Phật

Nam mô Long Tự Tại Vương Phật

Nam mô Bảo Thắng Phật

Nam mô Giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật

Nam mô Ca Sa Tràng Phật

Nam mô Sư Tử Hống Phật

Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát

Nam mô Đại Trang Nghiêm Bồ Tát

Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát

Đảnh lễ chư Phật rồi kể lại sám hối. Đến nay thâm tâm chúng con được yên tịnh, trong không bị phiền não dối gạt, ngoài không bị chướng nạn ngăn trở, chính là lúc sinh thiện diệt ác, lại phải thực hành bốn món quán hạnh, để làm phương tiện dứt tội.

Bốn món quán hạnh là:

1. Quán sát nhân duyên
2. Quán sát quả báo
3. Quán sát thân mình
4. Quán sát thân Như Lai.

Thứ nhất quán sát nhân duyên: biết mình có tội, do vô minh suy nghĩ xằng bậy, không sức chính quán, không biết tội lỗi, xa lìa bạn tốt, xa lìa chư Phật, Bồ Tát, theo dõi đường ma lối hiểm, như cá nuốt câu không biết tai họa, như tầm làm kén tự ràng buộc mình, như co thiêu thân đâm đầu vào lửa tự thiêu đốt mình, do nhân duyên ấy không thể giải thoát.

Thứ hai quán sát quả báo: vì những ác nghiệp nên phải luân chuyển mãi trong ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai) chịu quả khổ vô cùng, chìm đắm trong đêm dài, biển lớn, bị lũ quỷ la sát phiền não ăn thịt, sự sinh tử sau này mệnh mang không bờ bến. Dầu cho phúc báo được làm đến Chuyển Luân thánh vương, thống trị bốn châu thiên hạ, bay đi tự tại, đủ các thất bảo, sau khi chết cũng không khỏi đường ác, dầu được hưởng quả báo tứ không thiên, cao nhất trong ba cõi, khi phúc báo hết rồi, còn phải trở lại làm trùng trong yếm trâu, hưởng những kẻ không phúc đức gì lại giải đãi không siêng năng sám hối, thế chẳng khác chi ôm đá gieo mình xuống vực sâu, khó mong ra khỏi.

Thứ ba quán sát thân ta: tuy có chính nhân giác tính, nhưng bị phiền não hắc ám che lấp, không có sức liễu nhân, thành ra bản tính vốn sáng suốt kia, không tỏ rõ được.

Ngày nay cần phải phát tâm thù thắng phá tan màn vô minh, dẹp hết chướng ngại điên đảo, diệt trừ nguyên nhân hư nguy của sinh tử, làm sáng tỏ trí tuệ sáng suốt của Như Lai, đừng gây dựng quả niết bàn vô thượng.

Thứ tư quán sát thân Như Lai: vô vi tịch chiếu, xa bốn câu, bất trăm lỗi, đầy đủ các đức trạm nhiên thường trú, dầu phương tiện vào diệt độ, nhưng lòng từ bi cứu vớt chúng sinh không hề tạm nghỉ.

Khởi tâm quán sát như thế, tức là bến lành để diệt tội, là hạnh cốt yếu để trừ nghiệp chướng. Vì vậy, ngày nay chí thành cầu xin sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, chúng con nuôi thêm phiền não ngày càng sâu dày, càng nảy nở, che đậy tuệ nhãn không thấy được lẽ chân nguy, dứt trừ mọi việc lành không cho nối tiếp nhau, khởi phiền não làm trở ngại không được thấy Phật, không nghe chính pháp, không gặp thánh tăng; khởi phiền não làm trở ngại không thấy được nghiệp lành nghiệp dữ trong đời quá khứ, hiện tại và vị lai và pháp xuất ly; khởi

phiền não làm trở ngại không được địa vị tôn quý ở cõi trời, người; khởi phiền não làm trở ngại không được sinh vào cõi sắc, cõi vô sắc để hưởng phúc báo yên vui thiên định; khởi phiền não làm trở ngại không được phép thần thông tự tại, bay, đi, ẩn, hiện đến khắp các cõi Phật trong mười phương để nghe pháp; khởi phiền não làm trở ngại không học được phép quán đếm hơi thở để tâm khỏi tán loạn, phép quán về bất tịnh để ngăn ngừa tâm ham muốn, phép quán về nhân duyên để dứt bỏ tâm si mê; khởi phiền não làm trở ngại không học được phép noãn, đánh, nhấn, đè nhất, bảy phép phương tiện; khởi phiền não làm trở ngại không học được những phép từ, bi, hỉ, xả, văn, tư, tu; khởi phiền não làm trở ngại sự hiểu biết và quán hạnh của ba món không, bình đẳng, trung đạo; khởi phiền não làm trở ngại không học những phẩm trợ đạo, niệm xứ, chính cần, cần, lực và như ý túc; khởi phiền não làm trở ngại không học đạo bát chính chỉ rõ về phần tướng; khởi phiền não làm trở ngại sự học đạo thất giác chi không chỉ về hình tướng; khởi phiền não làm trở ngại không học đạo bát giải thoát cứu không định; khởi phiền não làm trở ngại sự học các phép thập trí, tam tam muội; khởi phiền não làm trở ngại sự học những phép tam minh, lục thông, tứ vô ngại; khởi phiền não làm trở ngại sự học những phép lục độ, tứ đẳng; khởi phiền não làm trở ngại sự học những phép tứ nhiếp để giáo hóa khắp chúng sinh; khởi phiền não làm trở ngại sự học bốn hoàng thế của Đại Thừa tâm; khởi phiền não làm trở ngại sự học những phép thập minh, thập hạnh; khởi phiền não làm trở ngại sự học phép thập hồi hướng, thập nguyện; khởi phiền não làm trở ngại sự học minh giải của các ngôi sơ địa, nhị địa, tam địa, tứ địa; khởi phiền não làm trở ngại sự học những điều tri kiến của các ngôi ngũ địa, lục địa, thất địa; khởi phiền não làm trở ngại sự học phép song chiếu của các ngôi bát địa, cửu địa, thập địa; khởi phiền não làm trở ngại sự học những hạnh tu trong trăm vạn a tăng kỳ kiếp.

Những chướng ngại sự tu hành ấy vô lượng vô biên, ngày nay chúng con hết lòng thành khẩn hướng lên mười phương chư Phật, tôn Pháp, Thánh chúng, hết sức hổ thẹn cầu xin sám hối, nguyện đều dứt sạch.

Nguyện nhờ công đức sám hối tất cả các phiền não làm trở ngại sự tu hành, chúng con được thụ sinh tự tại, khắp nơi khắp chốn muốn được ở, không bị nghiệp cảm chất chứa xoay chuyển, lại còn dùng phép thần thông như ý, trong khoảng khắc đã dạo khắp mười phương, vừa trang nghiêm thanh tịnh các cõi Phật, vừa nhiếp hóa tất cả chúng sanh. Những cảnh giới thiên định rất cao thâm, cùng

những sự thấy biết của chư Phật, chúng con nguyện hiểu thấu một cách vô ngại, tâm thường bao quát tất cả các pháp tự tại diễn nói không bị nhiễm trước, được tâm tự tại pháp tự tại, phương tiện tự tại, khiến những phiền não ngu dốt, kếp tập lâu đời, đều được dứt hẳn, không còn tiếp nối, để chứng được đạo thánh vô lậu sáng chói như mặt trời.

Phát nguyện rồi xin đem cả thân mệnh kính lễ chư Phật.

Nam mô Tỳ Lô Giá Na Phật

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô A Di Đà Phật

Nam mô Di Lặc Phật

Nam mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật

Nam mô Long Tự Tại Vương Phật

Nam mô Bảo Thắng Phật

Nam mô Giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật

Nam mô Ca Sa Tràng Phật

Nam mô Sư Tử Hống Phật

Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát

Nam mô Đại Trang Nghiêm Bồ Tát

Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát

Đảnh lễ chư Phật rồi, kể đến sám hối.

Chúng con... đã lược sám những phiền não chướng, giờ xin theo thứ lớp sám hối những nghiệp chướng. Nghiệp lực tô bồi các nẻo, bất cứ chỗ nào cũng bị đắm nhiễm, không chịu suy nghĩ để mong cầu giải thoát. Bởi vậy nên quả báo trong sáu đường không đồng nhau, hình thể mỗi loài một khác. Thế mới biết đó do nghiệp lực gây ra.

Trong mười lực của Phật, nghiệp lực sâu thẳm hơn hết.

Kẻ phạm phu phần nhiều sinh lòng nghi hoặc. Vì thấy ở đời người làm lành lại gặp nhiều trắc trở, kẻ làm ác mà được mọi sự an hòa, mới cho rằng việc lành dữ không có phân minh, người chấp như thế bởi không đạt thấu lý sâu xa nghiệp báo. Kinh nói có ba thứ nghiệp báo.

Một là hiện báo, hai là sinh báo, ba là hậu báo. Hiện báo tức là trong đời nay làm việc thiện ác thì ngay thân này chịu quả báo. Sinh báo tức là trong đời này làm việc thiện ác, qua đời sau mới chịu quả báo. Hậu báo tức là trong vô lượng kiếp về quá khứ đã làm việc thiện ác, đến đời này hoặc vô lượng kiếp về sau mới chịu quả báo.

Còn người bây giờ làm ác mà gặp may mắn bởi do những nghiệp lành sinh báo, hậu báo thuần thực trong kiếp quá khứ, nên mới hưởng quả tốt đẹp. Như thế không phải trong đời này làm ác mà được quả báo tốt. Những người bây giờ làm lành lại bị khổ sở, bởi do những nghiệp ác sinh báo, hậu báo đã thuần thực trong kiếp quá khứ, nên những mầm thiện ngày nay sức yếu không thể ngăn dẹp những nghiệp ác ấy, nên phải chịu quả khổ. Đâu phải trong đời này làm lành mà chịu ác báo. Lại thấy trong đời những kẻ làm lành, được người khen ngợi kính trọng, nên biết ngày sau ắt được hưởng quả vui sướng. Chúng ta về quá khứ đã có những nghiệp ác như thế, nên chư Phật, Bồ Tát dạy phải gần gũi bạn lành, cùng làm phép sám hối. Gặp được bậc thiện tri thức là điều lợi lớn cho sự tu hành đắc đạo. Vì thế ngày nay chúng con xin chí thành quy y Phật.

Lại từ vô thủy đến nay, chúng con chất chứa ác nhiều như cát sông Hằng, gây tội lỗi đầy cả đại địa, hết bỏ thân này lại thụ thân khác không hay, không biết, hoặc phạm tội ngũ nghịch sâu dày, trói buộc nặng nề gây nên tội vô gián, hoặc gây nên tội xiển đề, thành nghiệp bỏ mất căn lành, khinh chê lời Phật dạy thành nghiệp báng bổ kinh điển Đại thừa, phá diệt Tam Bảo thành nghiệp hủy hoại chính pháp, không tin tội phúc thành nghiệp thập ác, hiểu lầm chân lý làm trái chính pháp thành nghiệp si mê, bất hiếu cha mẹ thành nghiệp ngang trái, khinh mạn sư trưởng thành nghiệp không kính lễ, thất tín bạn bè thành nghiệp bất nghĩa, phạm tội tứ trọng bát trọng thành nghiệp làm trở ngại thánh đạo, hủy phạm năm điều răn cấm thành nghiệp phá giới bát quan trai, phạm ngũ thiên thất tự thành nghiệp nhiều phạm giới, phạm giới ưu bà tắc thành nghiệp khinh trọng cầu, hoặc gây ra nghiệp thọ giới Bồ Tát mà không được thanh tịnh, như thuyết tu hành, hoặc gây ra nghiệp trước khi thọ giới sau khi thọ giới làm nhiễm ô phạm hạnh, mỗi tháng không ăn chay sáu ngày thành nghiệp giải đãi, mỗi năm không ăn chay luôn ba tháng thành nghiệp tu không thường, không giữ gìn ba nghìn uy nghi thành nghiệp không đúng giới pháp, không giữ gìn tám vạn luật nghi thành nghiệp vi tế tội, hoặc gây ra nghiệp không tu thân giới, tâm tuệ, hoặc gây nên nghiệp tám ngày vượng xuân thu tạo các tội lỗi, hoặc gây nên nghiệp làm mười sáu món ác luật nghi, hoặc gây nên nghiệp đối với chúng sinh không lòng thương xót, gây nên nghiệp không lân mẫn, không cứu giúp, ôm lòng đố kỵ thành ra nghiệp không cứu độ mọi loài, còn có chỗ oán thân thành ra nghiệp không bình đẳng, say đắm ngũ dục thành ra nghiệp không nhàm lìa, hoặc vì cơm áo, vườn, rừng, ao hồ, thành ra nghiệp phóng dăng dâm dật, hoặc vì tuổi trẻ phóng túng dục

tình tạo các tội lỗi, hoặc tạo nghiệp lành hữu lậu để hồi hướng cầu sinh trong ba cõi thành nghiệp ngạn pháp xuất thế.

Những tội lỗi ấy vô lượng vô biên, ngày nay chúng con hướng về mười phương chư Phật, tôn Pháp, Thánh chúng xin giải bày sám hối. Nhờ phúc lành sám hối các tội lỗi vô minh, ác nghiệp dứt sạch, được sinh phúc lành, nguyện chúng con đời đời kiếp kiếp diệt được tội ngũ nghịch, trừ hoặc nghiệp xiển đề. Tất cả nghiệp ác vừa nặng vừa nhẹ, từ nay trở đi đến khi thành Phật, thề không dám phạm. Chúng con nguyện thường chăm lo tu tập những thiện pháp xuất thế thanh tịnh, chuyên trì giới luật tinh nghiêm, giữ gìn uy nghi, như người qua biển mến tiếc phao nổi. Những pháp lục độ tứ đẳng tâm (từ, bi, hỷ, xả) thường nêu trước cả muôn hạnh, những phẩm giới, định, tuệ càng thêm sáng tỏ, mau thành tựu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười lực, bốn vô úy, ba niệm đại bi, diệu trí thường lạc, tám món tự tại của đức Như Lai. Chúng con... nguyện quy y chư Phật, xin dủ lòng từ bi hộ niệm.

Trước chúng con đã sám hối chung cả các nghiệp, nay lại xin theo thứ lớp sám hối riêng từng tội một. Những tội lỗi ấy hoặc chung (tội do ba nghiệp gây ra), hoặc riêng (tội do một trong sáu căn gây ra), hoặc to (tội do thân gây ra), hoặc nhỏ (tội do ý gây ra), hoặc nặng (tội do cố ý gây ra), hoặc nói (thứ tội ai cũng biết), hoặc không (tội do một mình mình làm một mình mình biết), có từng phẩm loại chúng con nguyện đều dứt hết. Sám hối riêng từng tội, trước sám hối ba nghiệp của thân, sau sám hối bốn nghiệp của miệng, còn lại những nghiệp chướng khác, lần lượt xin cúi đầu sám hối tất cả.

Ba nghiệp của thân, thứ nhất là nghiệp giết hại, như kinh đã nói: "dung thứ kẻ khác như dung thứ mình, chớ giết chớ đánh." Tuy loài cầm thú cũng biết bảo tồn thân mệnh sợ chết như mình. Nếu tìm xét kỹ thì các chúng sinh từ vô thủy lại, hoặc đã là cha mẹ, anh em, hoặc đã là bà con quyến thuộc, nhưng bởi nhân duyên nghiệp báo, nên phải luân hồi sáu nẻo, ra vào đường sinh tử thay hình đổi dạng không còn nhận biết lẫn nhau. Nay chúng ta đang tâm giết hại ăn thịt, như thế rất tổn hại lòng từ bi. Vì thế Phật dạy: "Giả sử được ăn các món rau quả còn tưởng như trong đời đói khát phải ăn thịt con, huống là ăn cá thịt." Phật lại dạy: "Vì lợi giết chúng sinh, lấy tiền mua thịt cá, cả hai đều là ác nghiệp, sau chết đoạ vào địa ngục rên siết". Vì thế nên biết giết hại loài vật và lấy thịt ăn, tội sâu như sông biển, nặng như gò núi. Song từ vô thủy đến nay, chúng con gì không gặp được bạn lành nên mới tạo những nghiệp ấy. Kinh dạy: "Tội giết hại thường làm chúng sinh đoạ địa ngục, ngạ quỷ để chịu khổ báo. Nếu

đầu thai trong loài súc sinh, phải chịu làm thân hùm, beo, chó sói, bò cạp, hoặc làm thân rắn độc, rết độc, ôm lòng hiểm ác, hoặc làm thân hươu, nai, thỏ, beo luôn luôn sợ hãi. Nếu được làm người, mắc phải hai thứ quả báo: một là nhiều bệnh, hai là chết yểu.

Sự giết hại loài vật ăn thịt, đã gây biết bao ác báo như thế, ngày nay chúng con chỉ thành cầu xin sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, khi có tâm thức này, thường ôm lòng tham độc, không dạ xót thương, hoặc vì tham lam mà giết, hoặc vì giận dữ si mê khinh mạn mà giết, hoặc dùng phương tiện độc ác mà giết, hoặc thề giết, nguyên giết, dùng phù chú giết, v.v... hoặc phá hồ tháo nước, thiêu đốt núi rừng, săn bắn chài lưới, hoặc nhân khi gió phóng lửa, hoặc thả chim săn, chó săn làm náo hại tất cả mọi loài. Những tội như thế, ngày nay chúng con đều xin sám hối. Hoặc dùng cạm bẫy hàm hố, câu liêm, kích, cung nỏ, bắn giết những loài chim bay thú chạy, hoặc dùng lưới rập, thả câu để đơm bắt những loài dưới nước làm cho tất cả những giống ở nước: cá, ba ba, trạch, dọt, ốc, tôm, hến, v... ở mặt đất, ở trên không, chẳng còn chỗ nào trốn núp. Hoặc nuôi gà, heo, trâu, dê, chó, ngỗng, vịt để tự mình giết ăn, hoặc mượn người làm thịt, khiến tiếng kêu thương của chúng chưa dứt mà lông cánh đã rơi rụng, mai vảy đã tan nát, đầu một nơi thân một ngã, xương thịt tiêu tan, lột, xé, mổ, cắt, đốt, thui, nấu, nướng đau đớn biết dường nào.

Ôi thôi! Ý sức mạnh giết hại loài vô tội ăn thịt, chỉ sướng miệng một lúc, được chút vị ngon, bất quá vì ba tác lưới mà phải mang lấy tội báo kiếp kiếp đời đời. Những tội ác như thế, ngày nay chúng con xin chỉ thành sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, hoặc khởi binh đánh nhau, giao tranh nơi biên trường, hai bên giáp mặt, giết hại lẫn nhau, hoặc tự mình giết, hoặc sai người giết, hoặc nghe ai giết sinh tâm vui mừng, hoặc tập làm nghề mổ heo, bò, đi làm thịt mướn, xẻ nấu thân xác loài vật, gây nhiều việc bất nhẫn, hoặc giận dữ khoa mác múa dao, hoặc chém, hoặc đâm, hoặc xô xuống hàm hố, hoặc nhận chìm dưới nước, hoặc lấp hang phá ổ, hoặc lấy đất đá ngăn lấp, hoặc dùng xe, ngựa lăn cán dầy đập tất cả chúng sinh. Những tội như thế vô lượng vô biên, ngày nay chúng con đều xin giải bày sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, hoặc phá thai, đập trứng, dùng trùng độc, thuốc độc giết hại chúng sinh, hoặc khai khẩn đất cát, trồng cấy vườn ruộng, nuôi tằm, ương kén, giết hại càng nhiều; hoặc đập đuổi ruồi muỗi, nhấm cắn chí rận, hoặc đốt rơm dơ bẩn, khai thác ngòi rãnh giết hại loài vật, hoặc ăn trái cây, dùng thóc gạo, rau dưa, phải giết càn

chúng sinh; hoặc đốt củi thắp đèn đuốc, thiêu chết các loài côn trùng; hoặc lấy tương dấm không khuấy động trên mặt; hoặc đổ nước sôi làm chết sâu kiến cho đến những khi đi, đứng, nằm, ngồi cũng thường giết hại chúng sinh nhỏ nhít bay trên không bám dưới đất. Bởi phạm phu tâm thức tối tăm không hay biết mới phạm phải các tội, ngày nay đều xin giải bày sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, đối với chúng sinh, hoặc dùng roi, gậy, gông, xiềng, hoặc dùng kèm kẹp tra khảo, đánh vật, thoi, đập, lấy giày trời buộc giam cầm, tuyệt hẳn cơm nước, dùng những cách độc ác làm khổ não chúng sinh, ngày nay chí thành hướng về mười phương chư Phật, tôn Pháp, Thánh chúng, cầu xin sám hối.

Nguyện nhờ công đức sám hối những tội giết hại ấy, chúng con đời đời kiếp kiếp được thân hình bền chắc như kim cương sống lâu vô cùng, xa lìa oán ghét, không còn nghĩ đến những việc giết hại. Đối với chúng sinh coi như con một. Nếu thấy bị tai nạn nguy cấp thì trước tùy phương tiện giải cứu, không lẩn tiếc thân mệnh, rồi sau mới đem chính pháp nhiệm màu nói cho, khiến chúng sinh thấy hình thấy bóng đều được an vui, nghe tên nghe tiếng liền hết sợ hãi.

Vì thế ngày nay chúng con sin cúi đầu quy y theo Phật.

Nam mô Tỳ Lô Giá Na Phật

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô A Di Đà Phật

Nam mô Di Lặc Phật

Nam mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật

Nam mô Long Tự Tại Vương Phật

Nam mô Bảo Thắng Phật

Nam mô Giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật

Nam mô Ca Sa Tràng Phật

Nam mô Sư Tử Hống Phật

Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát

Nam mô Địa Trang Nghiêm Bồ Tát

Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát

Đảnh lễ chư Phật rồi, kể đến sám hối nghiệp trộm cướp. Trong kinh nói: "Vật của người khác thì người đó giữ. Dầu một lá rau, cọng cỏ mà không cho cũng không lấy, huống chi trộm cướp." Nhưng vì chúng sinh chỉ thấy lợi trước mắt nên lấy một cách trái đạo, đến nỗi sau này phải chịu tai ương. Bởi vậy kinh nói: "Tội trộm cướp làm

chúng sinh bị đoạ vào địa ngục, ngạ quỷ, chịu khổ vô cùng." Nếu đầu thai trong đường súc sinh, phải chịu làm thân trâu, ngựa, la, lừa, lạc đà, v.v... đem thân máu thịt của mình trả nợ kiếp trước cho người. Nếu được làm người, phải chịu làm thân tôi mọi kẻ khác, áo không đủ che thân, cơm ăn không đủ bữa, bần cùng khốn khổ, lễ sống của con người hầu như không còn gì nữa. Sự trộm cướp đã có khổ báo như thế, ngày nay chúng con chỉ thành cầu xin sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, chúng con hoặc trộm tiền tài, bảo vật kẻ khác, hoặc cầm dao cưỡi ngựa đoạt, hoặc tự mình xông đến bức người lấy của, hoặc cậy quyền nường vào thế lực, dùng kim to kẹp lớn ép chế oan người lương thiện, hoặc thâu tiền dứt lót của bọn gian, đánh khảo người ngay buộc cho là tà vạy, vì những nguyên nhân ấy khiến họ sa vào lưới pháp luật, hoặc ăn tiền của kẻ dưới để dung túng họ làm bậy, hoặc lấy của công làm lợi riêng, lấy của riêng vào việc công, làm tổn hại người kia để đem lợi cho người này, làm tổn hại người này để đem lợi cho người kia, lấy bớt của kẻ khác để làm lợi ích cho mình; miệng hay nói bố thí mà tâm thì bôn sên, trốn thuế đồ ải, bớt của công để dùng vào việc riêng, dấu sưu dịch để sai làm việc mình. Những tội như thế ngày nay đều xin sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, hoặc những vật của Phật, Pháp, Tăng không cho mà lấy, hoặc vật thuộc về kinh tượng, hoặc vật dùng để cất chùa, xây tháp, hoặc vật dùng để cúng dường thường trụ Tăng hay chư Tăng tại chùa, hoặc trộm cắp lấy làm, cậy thế không trả lại, hoặc tự mình vay mượn, hoặc cho người khác vay mượn mà quên sót, hoặc đem của Tam Bảo dùng không phải chỗ, tiêu pha lãng phí, hoặc lấy những vật như thóc, gạo, củi, rác, muối, đậu, tương, dấm, rau, dưa, hoa, quả, tiền, vải, tre, gỗ, lụa là, phan lọng, hương hoa, dầu đèn tùy tình mặc ý tự mình lấy dùng, hay cho người khác dùng; hoặc trích hoa quả cúng Phật, hay dùng đồ vật chúng tăng, hoặc lấy của Tam Bảo làm của riêng mình. Những tội như thế vô lượng vô biên, ngày nay chúng con hổ thẹn, đều xin sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, hoặc chỗ bạn bè qua lại, sư tăng đồng học, hay cha mẹ anh em, bà con quyến thuộc cùng chung ở nhau, mà trăm món cần dùng lừa dối gạt gẫm nhau, hoặc đối xóm giềng gần gũi dè dặt, xê tường, xâm lấn đất nhà người khác, đổi mồi, thay nêu, cướp giật tiền của, bao chiếm ruộng vườn, mượn tiếng việc công để làm lợi riêng, sang đoạt hàng quán rầy bái của người. Những tội như thế, ngày nay đều xin sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, hoặc đánh phá thành ấp, đốt làng phá dậu

(hàng rào) buôn bán lương dân, dụ dỗ tội tở của người, hoặc áp chế oan những kẻ vô tội, hoặc bị đâm chém máu rơi thịt nát, thân bị đầy ải, gia sản tan nát, cốt nhục chia lìa, mỗi người một cõi, sống chết cách tuyệt. Những tội như thế vô lượng vô biên, ngày nay đều xin sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, buôn bán hàng hóa, tạp quán đổi chác đồ vật, dùng cân non, đấu nhỏ, giảm bớt thước tấc, xén lẩn phân thù lường gạt từng ly, đem của xấu đổi của tốt, đem thứ ngắn đổi thứ dài, giả dối trăm chiều để mong cầu chút lợi. Những tội như thế, ngày nay chúng con đều xin sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, hoặc khoét vách đào tường, chặn đường cướp đoạt, hoặc trốn nợ, xén bớt tài lợi, hoặc phụ tình trái hẹn, ngoài mặt lừa dối, trong lòng mưu toan, hoặc cướp giúrt trái đạo, đồ vật của quí thần, cầm thú, chúng sinh, hoặc mượn cớ coi quẻ coi tướng để gạt lấy tài sản của người như thế cho đến đem lợi cầu lợi, cầu cách vô đạo, cầu cách tham lam, không biết chán, không biết đủ. Những tội như thế vô lượng vô biên, không thể nói hết, ngày nay chúng con chí thành, hướng về mười phương chư Phật, tôn Pháp, Thánh chúng, đều xin sám hối.

Nguyên do công đức sám hối những tội trộm cướp ấy, chúng con đời đời kiếp kiếp được ngọc như ý, thường xuất sinh bảy món trân bảo, y phục cực đẹp, đồ ăn đủ vị, đủ các thứ thuốc men, tùy ý muốn vật chi tức có liền vật ấy, lại nguyện cho tất cả chúng sinh không ai còn tưởng đến sự trộm cướp, ít ham muốn, biết vừa đủ, không đắm nhiễm, thường vui lòng bố thí, thực hành đạo cứu tế, bỏ đầu, mắt, tủy, não như đã bỏ đờm dãi, để mong thành tựu bố thí ba la mật.

Kể đến chúng con... xin sám hối tội tham ái. Trong kinh nói: "Chỉ vì tham dục nên bị giam hãm trong ngục si mê, chìm đắm trong vòng sinh tử, không biết ngã ra." Chúng sinh vì say đắm ngũ dục, nên từ xưa nay bị lưu chuyển mãi trong đường sinh tử. Giả như lấy xương chúng sinh trong muôn vạn kiếp chất đồng lại thì bằng núi Tỳ phú na ở thành Vương xá, sữa mẹ cho bú nhiều như nước bốn biển, máu huyết trong mình chảy ra còn hơn thế nữa, nước mắt cha mẹ anh em bà con quyến thuộc thương khóc khi lâm chung cũng nhiều như nước bốn biển. Vì thế nên nói: còn tham ái thì còn sinh tử, hết tham ái thì sinh tử diệt. Thế mới biết tham ái là gốc sinh tử. Trong kinh nói: "Tội đâm dục hay khiến chúng sinh bị đoạ vào địa ngục, ngạ quỷ, chịu khổ vô cùng." Nếu ở trong loài súc sinh phải làm chim bồ câu, chim sẻ, chim uyên ương. Nếu sinh trong loài người thì gặp phải vợ (hay chồng) phụ bạc, bà con toàn với những người trái ý. Sự đâm

dục có quả báo xấu xa như thế, nên ngày nay chúng con chí thành cầu xin sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, chúng con hoặc quyến rũ mê thiếp, chiếm đoạt vợ con của người, hoặc làm ô nhục ni cô, phá phạm hạnh người khác, hiếp bức một cách vô đạo, đem tâm bất chính xem ngó lẳng lơ, nói cười bốn cợt, hoặc làm nhơ tiếng tốt của người, hoặc làm hạnh bất tịnh với năm hạng người bán nam bán nữ. Những tội như thế thật vô lượng vô biên, ngày nay chúng con, đều xin chí thành sám hối.

Nguyện nhờ công đức sám hối những tội thâm dục ấy, đời đời kiếp kiếp được tự nhiên hóa sinh, không do bào thai, được thanh khiết sáng sủa, tướng mạo quang minh, sáu căn tỏ rõ, thông minh lanh lợi, hiểu rõ ái ân là cùm xích bó buộc, xét kỹ sáu trần là trò huyễn hóa, mà quyết định xa lìa cảnh ngũ dục, cả đến trong giấc mơ cũng không nghĩ điều bất chính, những điều mê hoặc ở trong ở ngoài, không thể động tâm.

Sám hối phát nguyện rồi, chúng con xin đem hết thân mệnh kính lễ Tam Bảo.

Chúng con trước đã sám hối ba nghiệp ác của thân, nay xin theo thứ lớp sám hối bốn nghiệp của miệng.

Trong kinh nói: "Những tội nghiệp do miệng gây ra, thường làm chúng sinh bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh chịu khổ sở vô cùng." Nếu đầu thai vào loài súc sinh phải làm thân chim cú, chim mèo, tiếng kêu đáng ghét. Nếu được sinh vào loài người thì hơi miệng hôi thối, nói không ai tin, còn trong bà con quyến thuộc thường xảy bất hòa, đánh lộn cãi lầy. Nghiệp của miệng đã có những ác quả như thế, nên ngày nay chúng con chí thành quy y Tam Bảo, cầu xin sám hối.

Chúng con... từ vô thủy đến nay, vì nghiệp ác khẩu nên phải ở trong bốn nẻo sáu loài, tạo nhiều tội lỗi nói năng thô tháo lời lẽ hung bạo ngang tàng, không biết tôn ty, đối với kẻ thân người sơ, kẻ sang người hèn, hơi trái ý mình, đã nổi giận hờn la mắng. Mắng nhiếc hủy nhục, nhiều điều hèn hạ xấu xa, ác độc, không chừa điều chi, khiến cho người khác ôm hận suốt đời không quên, gây họa kết thù chẳng bao giờ dứt, lại còn oán thán trời đất, trách móc quỷ thần, chê bai các bậc hiền thánh, vu oan điểm nhục người lương thiện. Những tội nghiệp do ác khẩu gây ra như thế thật vô lượng vô biên, ngày nay chúng con đều xin chí thành sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, vì nghiệp nói dối, tạo ra bao nhiêu tội lỗi. Trong ý mong cầu danh dự, lợi dưỡng dấu điểm tình thực, dối trá đủ điều,

trong tâm mê muội, ngoài mặt dạn dày, chuyện có nói không, chuyện không nói có, thấy nói không thấy, không thấy nói thấy, nghe nói không nghe, không nghe nói nghe, biết nói không biết, không biết nói biết, làm nói không làm, không làm nói làm, khi miệt thánh hiền lường đảo dối hoặc người đời, đến như cha con, vua tôi, họ hàng, bè bạn mà nói năng gì cũng không khi nào thành thực, khiến người khác lầm nghe mình đến nỗi phải tan nhà mất nước. Lại còn giả trò yêu thuật, thường tự khen mình, khoe mình đã chứng tới bậc tứ thiên, tứ vô sắc định, an na bát na, mười sáu quán hạnh, chứng bậc tu đà hoàn, đến bậc a la hán, bích chi Phật, bậc bất thoái Bồ Tát, và Thiên long quỷ thần, thần gió, thần đất đều đến bên mình, lại bày trò lạ mê hoặc lòng người để mong cung kính cúng dâng bốn món cần dùng. Những tội nghiệp do vọng ngữ gây ra như thế, vô lượng vô biên, ngày nay chúng con đều xin chí thành sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, vì nghiệp nói thêu dệt (ỷ ngữ) tạo ra bao nhiêu tội lỗi: dùng âm từ hoa mỹ, văn chương bóng bẩy, xuyên tạc sự sai lầm, trang sức điều trái quấy, khéo đặt những bản ca hát hình dung vẻ yêu kiều, mô tả thói dâm ô, khiến cho hạng trung lưu, hạ lưu động dâm dăng tính, say đắm tửu sắc không thể tự giác. Hoặc phóng túng tư thù, không kể lời nghị bàn công chính, dẫu người kia là bậc trung thần, hiếu tử hay là chí sĩ, hiền nhân, vẫn cứ làm văn thêu dệt nên tội, để người đời sau in cho là thật, khiến người ta phải ôm hận dưới cửa tuyến không biết đâu biện bạch.

Những tội nghiệp do ỷ ngữ gây ra như thế, vô lượng vô biên, ngày nay chúng con đều xin chí thành sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, vì nghiệp nói hai lưỡi gây ra bao nhiêu tội lỗi: khen trước mặt chê sau lưng, xảo trá trăm chiều, tới người kia nói chuyện người này, tới người này nói chuyện người kia, chỉ biết lợi mình, không nhìn hại đến kẻ khác, dèm xiểm để ly gián vua tôi, vu oan hủy nhục người lương thiện, để cho vua tôi nghi kỵ nhau, cha con bất hòa nhau, vợ chồng dễ bỏ nhau, họ hàng thân thích xa nhau, làm mất ơn thầy trò, dứt đường lui tới bạn bè, cả đến làm cho hai nước đang giao hảo nhau phải hủy bỏ minh ước, mất hòa khí, gây sự oán thù đem binh đánh nhau giết hại trăm họ. Nghiệp nói hai lưỡi, gây ra tội lỗi vô lượng vô biên như thế, ngày nay chúng con chí thành hướng về mười phương chư Phật tôn Pháp, Thánh chúng, đều xin giải bày cầu xin sám hối.

Nguyện nhờ công đức sám hối bốn nghiệp ác khẩu, đời đời kiếp kiếp được đầy đủ tám thứ âm thanh, bốn món biện tài, thường nói những lời hòa hợp lợi ích, giọng nói thanh nhã ai cũng muốn nghe, lại được

hiểu rõ ngôn ngữ chúng sinh. Nếu có nói chi đều được thích hợp căn cơ, khiến cho ai nghe cũng được tỏ ngộ nhập thánh siêu phàm, mở phát tuệ nhãn.

Sám hối và phát nguyện rồi, xin đem hết thân mệnh kính lễ Tam Bảo. Trước đã sám hối ba nghiệp ác của thân, bốn nghiệp ác của miệng, nay xin theo thứ lớp sám hối những tội chướng do sáu căn gây ra. Chúng con... từ vô thủy đến nay, mắt vi hình sắc ở ngoài làm mê hoặc, ham thích những màu đen, vàng, đỏ, trắng, tím, xanh, cùng những đồ chơi trang sức quý giá; hoặc thấy tống mạo đàn ông, đàn bà, cao thấp, trắng, đen, cử chỉ yêu kiều diễm lệ, mà khởi ra những tư tưởng phi pháp; hoặc tai ham nghe tiếng hay như cung, thương, đàn, sáo, ca hát, trò vè, hoặc nghe những giọng thanh tao, lời ăn nói, tiếng khóc cười của đàn ông, đàn bà, mà khởi ra những tư tưởng phi pháp; hoặc mũi thích ngửi mùi thơm của gỗ trầm, gỗ chiên đàn, long não, xạ hương, hay mùi thơm của cây uất kim, cây tô hợp mà khởi ra những tư tưởng phi pháp; hoặc lưỡi ham nếm những vị ngon lành tươi tốt, ngọt béo, nên phải lấy máu thịt chúng sinh để nuôi thân tứ đại, vun quén thêm tội khổ, mà khởi ra những tư tưởng phi pháp; hoặc thân mình ham muốn sự loè loẹt, gấm, vóc, lụa là, tất cả những thứ mượt dịu, y phục đẹp đẽ bằng thất trân, mà khởi ra những tư tưởng phi pháp; hoặc ý hay loạn tưởng nên gặp đâu cũng trái pháp. Bởi sáu căn tạo ra tội nghiệp vô lượng vô biên như thế, ngày nay chúng con chí thành hướng về mười phương chư Phật, tôn Pháp, Thánh chúng, đều xin sám hối.

Nhờ công đức sám hối tội lỗi do nhãn căn gây ra, chúng con nguyện mắt này thấy suốt pháp thân thanh tịnh của mười phương chư Phật Bồ Tát, không bằng sự sai biệt.

Nhờ công đức sám hối tội lỗi do nhĩ căn gây ra, chúng con nguyện tai này thường được nghe chính pháp của mười phương chư Phật, Hiền Thánh đã nói, và thực hành theo đúng giáo pháp ấy.

Nhờ công đức sám hối tội lỗi do tỷ căn gây ra, chúng con nguyện mũi này thường ngửi hương thơm nhập pháp tính ở cõi Hương Tích, xa lìa mùi hôi thối bất tịnh của sinh tử.

Nhờ công đức sám hối tội lỗi do thiệt căn gây ra, chúng con nguyện lưỡi này thường ăn món ăn thiên duyệt pháp thực, không tham mùi máu thịt của chúng sanh.

Nhờ công đức sám hối tội lỗi do thân căn gây ra, chúng con nguyện thân này mặc được "áo Như Lai", khoác giáp nhẫn nhục, nằm giường vô úy, toà pháp không.

Nhờ công đức sám hối tội lỗi do ý căn gây ra, chúng con nguyện ý

này thành tựu được mười lực, thông suốt được năm minh, xét rõ lý chân không bình đẳng của hai đế, theo trí huệ phương tiện vào được giòng nước pháp tính, niệm niệm sáng suốt, phát hiện pháp vô sinh nhẫn của Như Lai.

Phát nguyện rồi, đem cả thân mệnh kính lễ thường trụ Tam Bảo.

Kinh thủy sám

Dịch giả: Sa môn Thích Huyền Dung

- 3 -

Pháp Từ Bi Thủy Sám (quyển hạ)

Tất cả chư Phật vì thương xót chúng sinh, mới nói pháp đạo tràng thủy sám. Ngày nay chúng con xin đem cả thân mệnh, hướng về hết thầy chư Phật.

Nam mô Tỳ Lô Giá Na Phật
Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô A Di Đà Phật
Nam mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật
Nam mô Long Tự Tại Vương Phật
Nam mô Bảo Thắng Phật
Nam mô Giáo Hoa Định Tự Tại Vương Phật
Nam mô Ca Sa Tràng Phật
Nam mô Sư Tử Hống Phật
Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát
Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát
Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát
Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát
Nam mô Đại Trang Nghiêm Bồ Tát
Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát

Đảnh lễ chư Phật rồi thứ lại sám hối, trên kia đã sám hối ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng. Bây giờ chúng con xin sám hối tất cả nghiệp chướng đối với Phật, Pháp, Tăng.

Trong kinh Phật dạy: "Thân người khó được, Phật pháp khó nghe, chúng Tăng khó gặp, tín tâm khó sinh, sáu căn khó đủ, bạn tốt khó gặp." Ngày nay chúng ta nhờ kiếp trước đã gây những căn lành, nên mới được làm thân người, sáu căn đầy đủ, lại gặp bạn lành, được nghe chính pháp. Nếu trong lúc này, không hết lòng tinh tiến tu hành, ắt sau này sẽ bị chìm đắm trong muôn ngàn khổ đau, không biết ngày nào ra khỏi. Bởi thế hôm nay, chí thành cầu xin sám hối.

Chúng con... từ vô thủy đến nay, thường bị vô minh che tâm tính, phiền não chướng ý thức, thấy hình tượng Phật không hết lòng cung kính, khinh miệt chúng tăng, tàn hại bạn tốt, phá tháp hủy chùa, thiêu đốt kinh tượng, làm hại thân Phật; hoặc mình ở nhà đẹp để tượng Phật Bồ Tát ở chỗ thấp hèn bẩn thỉu, khói hun nắng tấp, gió thổi mưa chan, bụi đất dính đầy, chim chuột đục khoét, hoặc thờ chung trong phòng ngủ không từng kính lễ, hoặc ở trần trước tượng Phật, không sửa y phục trang nghiêm tề chỉnh, hoặc che đậy đèn đuốc, đóng kín cửa chùa, che lấp ánh quang minh chỗ Phật. Những tội như thế, ngày nay chúng con đều xin chí thành sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, đối với Pháp Phật, lấy tay bẩn thỉu cầm các quyển kinh, hoặc đang khi đọc tụng, xen nói lời tục tĩu phi pháp; hoặc để kinh trên đầu giường, ngồi đứng không cung kính, hoặc để trong rương tráp sâu mọt ăn nát, hoặc cuốn tròn làm cho sổ rớt, mất mát thứ tự, lộn lẩn bộ loại; hoặc lôi kéo vướng đứt, làm rách giấy mất chữ, tự mình không tu tập, không chịu lưu truyền. Những tội như thế, ngày nay chúng con đều xin chí thành sám hối.

Lại nằm dài nghe kinh, nằm ngửa tụng đọc, hoặc nói cười lớn tiếng, làm rộn người khác nghe pháp; hoặc giải sai lời Phật dạy, nói khác thánh ý; không phải chính pháp nói chính pháp; chẳng phạm nói phạm, phạm nói chẳng phạm, tội nhẹ nói nặng, tội nặng nói nhẹ, hoặc sao chép kinh sách đoạn trước để sau, đoạn sau đem để đoạn trước, hoặc đoạn trước đoạn sau đem để vào giữa, hoặc đoạn giữa đem để ra trước sau; hoặc thêm bớt lời văn trong kinh Phật để làm sách riêng của mình; hoặc vì danh dự, lợi dưỡng, cung kính mà nói pháp; không lòng vị pháp, chỉ vì muốn tìm lỗi của pháp sư mà bàn

luận nghĩa lý; không vì tăng tiến sự hiểu biết để cầu pháp xuất thế, mà chỉ đàn hặc một cách vô lý, hoặc khinh mạn lời Phật, tôn trọng tà giáo, chê bai đại thừa, khen ngợi Thanh Văn. Những tội như thế vô lượng vô biên, ngày nay chúng con đều xin sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, đối với chúng tăng gây ra các nghiệp chướng, như giết bậc A La Hán, phá sự hòa hợp của chúng tăng, hại những người phát tâm vô thượng Bồ đề, dứt tuyệt giống Phật, làm cho thánh đạo không lưu hành được; hoặc lột xẻ người tu hành, tra khảo bậc sa môn, đánh đập đầy đoạ, dùng lời thô bỉ mắng nhiếc, hoặc phá giới hạnh thanh tịnh, làm mất hết uy nghi; hoặc khuyên người khác bỏ đạo bát chính; hoặc giữ và thực hành theo năm phép tà hoặc giả dạng nhà sư trộm của thường trụ tiêu xài việc riêng. Những tội như thế, ngày nay chúng con đều xin sám hối.

Hoặc để mình trần hay mặc y phục mỏng manh đường đột đến trước kinh tượng; hoặc mang giày bẩn thỉu đi vào điện Phật, dẫm lên tháp Phật; hoặc mang guốc vào chùa, khắc đàm nhổ nước miếng trong nhà thiền, làm nhor nhóp chỗ Phật và chúng tăng ở; hoặc đánh xe cưỡi ngựa xông pha vào trong chùa chiền, tịnh xá. Phạm đối với Tam Bảo mà khởi ra những tội lỗi như thế, thật vô lượng vô biên, ngày nay chúng con chí thành hướng về mười phương chư Phật, Tôn Pháp Thánh chúng, cầu xin sám hối.

Nguyện nhờ công đức sám hối ấy, chúng con đời đời kiếp kiếp thường gặp được Tam Bảo để tôn ngưỡng cung kính, không bao giờ chán nản, lại có gấm lụa tốt đẹp, anh lạc quý giá, trăm nghìn âm nhạc, các món danh hương, các thứ hoa quả tốt tươi có đủ những vật sở hữu trên đời để cúng dường. Nếu có vị nào thành Phật chúng con nguyện đến trước khuyến thỉnh mở cửa cam lồ cứu độ chúng sinh. Nếu có vị Phật nào nhập Niết bàn, chúng con nguyện được cúng dường một lần sau chót. Còn như trong hàng chúng tăng, chúng con nguyện tu sáu phép hòa kính, được sức tự tại, trùng hưng Tam Bảo, trên hoàng dương đạo Pháp, dưới hóa độ chúng sinh.

Những tội hoặc nặng hoặc nhẹ đối với Tam Bảo đã sám hối rồi, còn

lại những tội ác khác, chúng con sin theo thứ lớp sám hối hết thảy. Như trong kinh nói: "Có hai hạng người được mạnh mẽ: một là tự mình không gây tội, hai là đã gây tội mà biết ăn năn sám hối." Lại có hai phương pháp trong sạch, có thể làm cho chúng sinh diệt trừ được các món chướng ngại: một là biết hổ nên tự mình không làm ác, hai là biết thẹn, nên không xúi người khác làm ác. Có hổ thẹn như thế mới gọi là người, nếu không biết hổ thẹn thì cũng không khác cầm thú. Bởi vậy ngày nay chúng con chí thành quy y Phật, xin theo đúng phép mà sám hối.

Lại từ vô tỉ đến nay, vì mê tín tà kiến nên giết hại chúng sinh để cúng tấu quỷ thần, ly my, vọng lượng, cầu được sống lâu, nhưng không bao giờ được; hoặc nói dối thấy ma quỷ, rồi giả xưng là thần, nói để gạt người. Những tội như thế, ngày nay chúng con đều xin sám hối.

Lại từ vô thị đến nay, hoặc hành động láo xược, tự cao, tự đại, hoặc ỷ dòng quý tộc khi rẻ mọi người, cậy mình sang trọng khinh kẻ hèn hạ, hoặc ỷ sức mạnh ăn hiếp kẻ yếu, hoặc uống rượu rồi gây sự loạn đả không kể người thân sơ; say sưa suốt ngày không biết tôn tin. Những tội như thế, ngày nay chúng con đều xin sám hối.

Lại như tham ăn uống không tiết độ, ăn gỏi thịt gỏi cá, hoặc ăn năm thứ cay nồng mùi hôi bay lên xông uế các kinh tượng, xua đuổi những kẻ tu hành giữ giới thanh tịnh; buông lung tâm ý, xa lìa người lành, gần gũi bạn ác. Những tội như thế, ngày nay đều xin sám hối.

Lại có tính cống cao, bày điều giả dối, bắt người khác theo mình, càn bướng cố chấp cho mình là hay, ương ngạnh chống báng không biết nhân tình, cho mình là phải, người khác là quấy, và hay hy vọng ở sự may rủi. Những tội như thế, ngày nay đều xin sám hối.

Còn lâm đến chỗ tiền tài thì lại không nhường nhịn, không liêm sỉ: mua bán rượu thịt lừa dối để sống; hoặc cho vay nặng lời, tính từng ngày, từng giờ góp chứa một cách cay nghiệt, tham cầu không biết chán; hưởng thụ của dân cũng không biết hổ thẹn; hoặc không giới

đức mà lạm nhận của tín thí. Những tội như thế, ngày nay đều xin sám hối.

Và đánh đập tôi tớ, sai khiến trẻ con làm việc nặng, không kể đến sự đói, khát, lạnh, nóng của chúng; phá vỡ cầu cống làm ngăn trở sự đi lại. Những tội như thế, ngày nay đều xin sám hối.

Lại để mặc ý mình phóng túng, lung lảng tán loạn, chỉ để thì giờ đánh xu bồ, đánh cờ tướng; hoặc vây đoàn hợp lũ uống ăn rượu thịt, chén tạc chén thù làm rối cho nhau; nói chuyện vu vơ, hay bàn luận chuyện thiên hạ, hết năm này qua năm khác, để ngày giờ trôi qua không lợi ích gì; mỗi đêm ba thời không tụng kinh ngời thiền, lười biếng, giải đãi cứ nằm dài suốt ngày, không để tâm qua sáu món niệm xứ, thấy người khác có việc hơn mình, lại sinh ghen ghét, ôm lòng hiểm độc, khởi đủ phiền não, để cho gió lốc vật dục thổi vào củi lửa tội lỗi, cháy luôn không ngớt, thiêu mất những điều lành nhỏ của ba nghiệp. Khi những pháp lành đã hết thì hóa ra nhưt xiển đề, đọa vào địa ngục lớn, không có kỳ hạn ra được. Bởi thế nên ngày nay, chúng con cúi đầu hướng về mười phương Tam Bảo xin sám hối hết thảy.

Tất cả tội lỗi từ trước đến nay hoặc nhẹ, hoặc nặng, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tự mình làm, hoặc bảo người khác làm, hoặc thấy người khác làm vui mừng, hoặc dùng thế lực bắt buộc người khác làm, cả đến những tội khen người làm ác, ngày nay chúng con chí thành đều xin sám hối.

Nguyện nhờ công đức sám hối các tội ác ấy, chúng con đời đời kiếp kiếp được từ hòa trung hiếu, khiêm nhường, nhẫn nhục, biết liêm sỉ, biết chào đón trước, sửa mình chính đáng, trong sạch nhân nghĩa, nhường nhịn, xa lìa bạn ác, thường gặp duyên lành, thâm nhiếp được sáu căn, giữ gìn được ba nghiệp, nhẫn nại được khổ nhọc, tâm không thoái lui, cứ lập chí tu hành đắc đạo, không phụ bạc chúng sinh.

Phát nguyện rồi đem hết thân mệnh kính lễ chư Phật.

Nam mô Tỳ Lô Giá Na Phật

Nam mô Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô A Di Đà Phật
Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật
Nam mô Long Tự Tại Vương Phật
Nam mô Bảo Thắng Phật
Nam mô Giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật
Nam mô Ca Sa Tràng Phật
Nam mô Sư Tử Hồng Phật
Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát
Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát
Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát
Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát
Nam mô Đại Trang Nghiêm Bồ Tát
Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát

Trước đã sám hối những phiền não chướng, nghiệp chướng, nay theo thứ lớp giải bày những quả báo chướng còn lại, xin sám hối hết thảy.

Trong kinh nói: "Khi nghiệp báo đã đến, chẳng phải trong không trung, trong biển, trong hang núi, không có chỗ nào thoát khỏi được quả báo, chỉ có sức sám hối mới có thể diệt trừ." Vì sao biết được? Ví như ông Thích Đề Hoàn Nhân khi thấy năm tướng suy hiện ra trong lòng khiếp sợ bèn chí thành quy y Tam Bảo, thì năm tướng xấu ấy liền tiêu diệt, lại còn thêm tuổi thọ. Những chuyện như thế trong kinh rất nhiều không phải là một. Thế mới biết sự sám hối hay diệt trừ được tai họa.

Song kẻ phàm phu nếu không gặp bạn tốt dẫn đường, thời không có việc ác nào mà không làm, đến mỗi khi sắp chết, cảnh địa ngục gớm ghê hiện ra trước mắt, chính lúc ấy lại hối hận sợ hãi. Ôi! Ngày trước không tu điều lành để đến cùng ăn năn, thì ăn năn sao kịp. Phước báo hay tai ương tự mình gieo trồng từ trước, nay cứ thẳng lối mà đi vào địa ngục, một mình mình đi đến, để lăn vào vạc dầu sôi, thân tâm tan nát, tinh thần thống khổ. Tới lúc đó dầu muốn lạy hay sám hối một câu, cũng không dễ gì được nữa.

Vì thế tất cả mọi người chớ ý mình tuổi trẻ, sức mạnh, có tiền tài thế lực mà lười biếng giải đãi, tự ý buông lung. Một khi khổ chết đã đến

thì không lường già, trẻ, nghèo, giàu, sang, hèn đều mất hết. Quỷ vô thường đến thỉnh linh không cho ai biết trước. Mệnh người vô thường như giọt sương mai, một hơi thở ra có đó, nhưng hơi hít vào không chắc gì còn được. Thế vì có chi mà không sám hối? Nếu sứ giả ngũ thiên hay quỷ la sát thoát nhiên đi đến, dầu tuổi trẻ sức mạnh đến đâu cũng không thể tránh. Lúc ấy dầu có nhà đẹp lầu cao cũng không ích gì đến người, xe tốt ngựa hay không đem theo được, vợ con quyến thuộc cũng không còn là người thân, những đồ thất chân quý giá cũng chỉ để cho người khác hưởng. Lấy đó mà nói thì quả báo ở đời đều giả dối không chắc thật. Còn như ở cõi trời, tuy vui thật, nhưng rốt cuộc cũng sẽ tan nát. Khi sự sống hết thì vẫn phải đoạ lạc trong tam đồ. Vì thế Phật bảo ông Tu Đạt Đa: "Thầy người là Uất Đầu Lam Phát lợi căn sáng suốt, đã hàng phục được phiền não, đến cõi trời phi phi tưởng rồi mà khi mệnh chung còn phải đoạ vào đường súc sinh làm con phi ly, hưởng chi người khác." Thế mới biết hễ chưa lên tới quả thánh, thì còn bị luân chuyển qua các đường ác. Nếu không cẩn thận, một mai thỉnh linh thân chịu chỗ đó, thiệt đáng hối hận. Xem như ngày nay bị tội phải đến cửa công, đó là khổ nhỏ mà tâm tình đã sợ hãi, quyến thuộc đã khủng khiếp cầu cứu trăm bề. Đối với nỗi khổ trong địa ngục còn gấp trăm ngàn vạn lần hơn, không thể so sánh được.

Chúng con cùng nhau trải vô số kiếp, tội lỗi chồng chất như núi Tu Di, nghe như vậy làm sao cứ an nhiên không sợ hãi, không kinh khủng, để về sau mắc phải những nỗi khổ ấy đáng đau đớn biết bao! Vì thế ngày nay, chúng con chí thành cầu xin sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, chúng con... có nhiều báo chướng, nhưng nặng nhất chỉ có địa ngục A Tỳ. Như trong kinh đã nói rõ, nay xin nói sơ về hình tướng của địa ngục A Tỳ.

Chung quanh ngục có bảy lớp thành sắt, có bảy lần lưới sắt giăng kín ở trên, phía dưới có bảy tầng dao sắt rậm như rừng và vô số ngọn lửa dữ luôn luôn thiêu đốt. Bề dài bề rộng của ngục này tính có bốn mươi tám ngàn do tuần. Tội nhân đầy trong ấy, nhưng vì nhân duyên của tội nghiệp nên không làm trở ngại. Lửa phía trên hắt xuống, lửa ở dưới bốc lên, lan khắp bốn phương Đông, Tây, Nam,

Bắc. Tội khổ trong ngục ấy như cá bị chiên trong chảo, dầu mỡ đều chảy ra. Ở bốn cửa thành có bốn con chó đồng, thân hình dài rộng đến bốn ngày do tuần, nanh dài móng nhọn, mắt sáng như điện chớp. Lại có vô số giống chim mỏ sắt, vỗ cánh bay lên mổ khoét thịt người có tội. Quỷ sứ đầu trâu hình như la sát, có chín đuôi như đình ba bằng sắt, lại có chín đầu, trên đầu có mười tám sừng, mỗi sừng có sáu mươi bốn mắt, từ mỗi con mắt tiết ra súc nóng như thiêu đốt tội nhân. Mỗi khi nóng giận chúng gào thét vang như sấm. Lại có vô số bánh xe dao, từ trên không trung quay xuống, xoáy vào đỉnh đầu tội nhân, rồi xoáy suốt xuống chân mà ra ngoài. Tội nhân đau đớn thấu xương tủy, nhức nhối tận tim gan, cứ như thế trải qua không biết bao nhiêu năm, cầu sống không được, cầu chết không được. Những tội báo như thế, ngày nay chúng con hổ thẹn, cúi đầu cầu xin sám hối.

Kể đến chúng con xin sám hối những tội báo: đầu thân rơi rã trong địa ngục đao sơn kiếm thụ, bị thiêu nướng trong địa ngục vạc dầu, lò than; sám hối những tội báo bị thiêu đốt trong địa ngục giường sắt, cột đồng; sám hối những tội báo bị đè nghiền mổ xẻ trong địa ngục xe dao, xe lửa; sám hối những tội báo trong địa ngục kéo lưới để trâu cày; sám hối những tội báo làm cho ngũ tạng cháy tiêu trong địa ngục nuốt hòn sắt nóng, uống nước đồng sôi; sám hối những tội báo xương thịt nát tan trong địa ngục cột sắt; sám hối những tội báo da, thịt, xương, tủy, rơi lìa từng mảnh trong địa ngục quần dây sắt nóng; sám hối những tội báo bị bứt rứt ngạt thở trong địa ngục xông tro phân; sám hối những tội báo da dẻ lạnh nóng nứt ra trong địa ngục nước mặn đóng giá băng; sám hối những tội báo tài hại lẫn nhau trong địa ngục chó sói, chim sắt, chó săn; sám hối những tội báo đâm chém cầu xé nhau trong địa ngục đao binh móng vuốt; sám hối những tội báo bị rang nướng trong địa ngục hầm lửa; sám hối những tội báo bị hình hài tan nát trong địa ngục hai tảng đá ép lại; sám hối những tội báo bị róc lột trong địa ngục bốn bề núi đá xô ép lại; sám hối những tội báo bị chém xẻ trong địa ngục núi thịt u ám; sám hối những tội báo bị chặt đứt trong địa ngục cửa xẻ đóng đinh; sám hối những tội báo bị mổ cắt trong địa ngục gậy sắt, treo ngược; sám hối những tội báo phiền oan trong địa ngục đốt nóng kêu gào; sám hối những tội báo chịu cảnh đêm dài mù mịt không bóng mặt trời, mặt trăng vào sao trong khoảng lớn nhỏ núi Thiết Vi; sám hối những tội báo trong địa ngục A Ba Ba, địa ngục A Bà Bà, địa ngục A Tra Tra,

địa ngục A La La. Trong tất cả các địa ngục lạnh nóng như thế có phụ thêm tám muôn bốn ngàn địa ngục cách tử.

Những tội khổ trong đó bị chiền nấu đau đớn, bị lột da, lóc thịt, chẻ xương, đập tủy, rút ruột, bức phổi, nhiều nỗi khổ khác không thể nghe, không thể nói. Nam mô Phật. Những người bây giờ đang bị đọa vào các chốn ấy là cha mẹ hay họ hàng của chúng con trong vô thủy kiếp, chúng con cùng họ, sau khi chết sẽ bị đọa trong các địa ngục như thế.

Ngày nay chúng con rửa sạch lòng trần, cúi đầu hướng về mười phương chư Phật, các bậc đại Bồ Tát, cầu xin sám hối, khiến cho tất cả tội báo kia đều tiêu diệt.

Nguyện nhờ công đức sám hối những tội báo trong địa ngục, chúng con phá được bức thành sắt chốn A Tỳ, làm thành cõi Tịnh Độ, không còn cái tên "ác đạo", bao nhiêu thống khổ sợ sệt trong các địa ngục đều chuyển thành những duyên vui sướng; núi đao rừng kiếm biến ra rừng báu; lò lửa vạc dầu hóa thành hoa sen; lính ngục đầu trâu chừa bỏ sự bạo ngược, khởi lòng từ bi không còn niệm ác. Và chúng sinh trong đường địa ngục thoát khỏi quả khổ, không gây thêm nhân ác khác, thụ hưởng sự yên vui như ở cõi tam thiên, đồng thời phát tâm cầu đạo vô thượng.

Sám hối và phát nguyện xong, xin hết lòng kính lễ thường trụ Tam Bảo.

Nam mô Tỳ Lô Giá Na Phật

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô A Di Đà Phật

Nam mô Di Lặc Phật

Nam mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật

Nam mô Long Tụ Tại Vương Phật

Nam mô Bảo Thắng Phật

Nam mô Giác Hoa Định Tụ Tại Vương Phật

Nam mô Ca Sa Tràng Phật

Nam mô Sư Tử Hống Phật

Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát

Nam mô Đại Trang Nghiêm Bồ Tát
Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát

Đảnh lễ chư Phật rồi, kể lại sám hối. Trước đã sám hối những tội báo trong địa ngục, nay xin sám hối những tội báo trong ba đường ác. Trong kinh Phật nói: "Con người vì nhiều ham muốn, nhiều tham cầu lợi dưỡng nên khổ não cũng nhiều." Người biết đủ tuy nằm dưới đất mà vẫn lấy làm yên vui, người không biết đủ, dù ở thiên đường cũng không vừa ý. Song người đời nếu thành linh có tai nạn nguy cấp thì thường bỏ hết tài sản không kể gì nhiều ít. Thế mà không biết thân này khi lâm vào hố thẳm tam đồ, hễ một hơi thở không trở lại thì phải bị đọa lạc. Thoảng như có người tri thức khuyên làm việc công đức để dự trữ pháp lành cho đời sau, thì lại cứ cố chấp keo bần không chịu làm theo lẽ phải. Những người như thế thật ngu hoặc biết bao! Vì sao? trong kinh Phật nói: "Lúc sinh không đem lại một đồng nào, lúc chết cũng không cầm được một đồng nào đem đi." Người đời phải khổ thân để góp chừa tiền của, chỉ đeo thêm sự lo âu phiền muộn không ích gì cho mình, mà người khác hưởng hết, không chút duyên lành, không một may mắn công đức để nhờ cậy, đến nỗi khi chết phải bị đọa vào đường ác. Vì vậy ngày nay chúng con chí thành đem thân mệnh nương về ngôi Tam Bảo, cầu xin sám hối.

Kể đến chúng con xin sám hối những tội báo ngu tối trong loài súc sinh; sám hối những tội báo mang nặng kéo cày đèn nợ cũ trong đường súc sinh; sám hối những tội báo bị người đâm, xẻ, mổ, cắt không được tự do trong đường súc sinh; sám hối những tội báo không chân, hai chân, bốn chân hay nhiều chân trong loài súc sinh; sám hối những tội báo trong lông, cánh, mai, vẩy, trong thân bị các giống trùng nhỏ cắn rủa, ở loài súc sinh. Trong loài súc sinh có vô số tội báo như thế, ngày nay đều xin chí thành sám hối.

Chúng con lại xin sám hối những tội báo luôn luôn chịu sự đói khát trải qua trăm ngàn vạn năm không nghe đến tên cơm nước, trong loài ngạ quỷ; sám hối những tội báo ăn uống máu mủ phần dơ trong lòng ngạ quỷ; sám hối những tội báo mỗi khi động thân thì tất cả chi tiết đều cháy trong ngạ quỷ; sám hối những tội báo bụng lớn cổ nhỏ trong loài ngạ quỷ. Trong loài ngạ quỷ có vô số tội báo như thế, ngày

nay cúi đầu cầu xin sám hối.

Chúng con lại xin sám hối những tội báo hay nịnh hót kiêu mạn trong loài tu la, quỷ thần; sám hối những tội báo gánh cát mang đá lấp sông trấn biển trong loài quỷ thần; sám hối những tội báo ăn uống máu thịt chịu đủ mọi sự xấu xa trong loài quỷ thần, la sát, cướp bòn trà. Trong loài quỷ thần có vô lượng vô biên tội báo như thế, ngày nay chúng con hướng về mười phương chư Phật, đại địa Bồ Tát, cầu xin sám hối, khiến cho những tội báo ấy đều tiêu diệt.

Nguyện nhờ công đức sám hối những tội báo trong đường súc sinh, chúng con đời đời kiếp kiếp diệt hết tất cả ngu si, biết được nghiệp duyên của mình, trí tuệ sáng suốt, không làm thân trong các đường ác.

Nguyện nhờ công đức sám hối những tội báo trong đường ngạ quỷ, chúng con đời đời kiếp kiếp lìa khổ xa lặn, đói khát, thường được ăn những pháp vị cam lồ, giải thoát.

Nguyện nhờ công đức sám hối những tội báo trong đường tu la quỷ thần, chúng con đời đời kiếp kiếp tính tình chính trực xa hẳn nhân tà mệnh, trừ các quả báo xấu xa, và làm được nhiều phúc lợi cho cả nhân thiên.

Chúng con... nguyện từ nay trở đi cho đến đạo tràng, không còn chịu những tội báo trong bốn đường ác, chỉ trừ lòng đại bi cứu độ chúng sinh lấy sức thề nguyện ở chung trong ấy, không khi nào chán nản. Chúng con đã sám hối những tội báo trong ba đường ác, nay theo thứ lớp cầu xin sám hối những tội báo chốn nhân thiên.

Chúng con cùng nhau thọ bầm thân mệnh ở cõi Diêm Phù này, tuy nói một trăm năm chớ có mấy ai sống trọn. Trong thời gian đó, số người trẻ tuổi chết non không thể nào lường, những khổ não còn nung nấu bức bách thân hình, lo rầu sợ hãi không ngớt phút nào. Sở dĩ như thế, bởi căn lành rất ít, nghiệp ác quá nhiều, đến nỗi trong đời hiện tại làm việc gì cũng không được vừa ý. Nên biết đó là dư báo

của những nghiệp ác ở đời quá khứ còn lại. Bởi thế nên ngày nay, chúng con xin sám hối vô lượng dư báo ấy trong cõi nhân thiên từ vô thủy cho đến đời hiện tại và vị lai: sám hối những tội báo tai ương tức trái, tàn tật, trăm bệnh, sáu căn không đủ ở cõi người; sám hối những tội báo sinh vào nơi hoang dã xa cách mọi người, luôn luôn bị tà kiến, tám nạn ba ác; sám hối những tội báo bị nhiều bệnh hoạn, gầy còm, chết yếu, chết oan ở cõi người; sám hối những tội báo bà con quyến thuộc không đoàn tụ ở cõi người; sám hối những tội báo bị khổ vì bạn bè tan nát, ân ái chia lìa ở cõi người; sám hối những tội báo oán cừu gặp gỡ, ưu sầu, khiếp sợ ở cõi người; sám hối những tội báo bị nạn nước lửa, trộm cướp, đao binh nguy hiểm, kinh khủng khiếp nhược ở cõi người; sám hối những tội báo bị cô độc khổ khổ, lưu lạc, bốn ba quên mất xứ sở ở cõi người; sám hối những tội báo bị tù ngục giam cầm, bị nhốt đứng trong ngục tối, bị đánh đập tra khảo ở cõi người; sám hối những tội báo bị miệng lưỡi công tư thù dật, vu họa ở cõi người; sám hối những tội báo bị bệnh tật liên miên, liệt giường liệt chiếu, không đứng dậy được ở cõi người; sám hối những tội báo bị các chứng ôn dịch về mùa Đông, mùa Hạ, hay bị độc lệ thương hàn ở cõi người; sám hối những tội báo bị trúng gió độc, bị thũng, chướng, bí kết ở cõi người; sám hối những tội báo bị các ác thần tìm dịp tiện tác họa ở cõi người; sám hối những tội báo bị các thứ ác điều bay đến kêu lên trăm điều quái gỡ, gặp tà quỷ phi thi làm các yêu dị, ở cõi người; sám hối những tội báo bị các loài cầm thú dữ sài lang, hổ báo làm hại, ở cõi người; sám hối những tội báo tự đâm, tự giết ở cõi người; sám hối những tội báo tự lao mình xuống hố sâu, hầm lửa, nhảy xuống sông hay gieo mình từ trên cao xuống, ở cõi người; sám hối những tội báo không có uy đức tiếng tăm ở cõi người; sám hối những tội báo thiếu thốn, tiêu dùng ăn mặc không được vừa lòng, ở cõi người; sám hối những tội báo ra, vào, đi, lại hay làm việc gì cũng khó khăn hay bị người khác ngăn trở, ở cõi người. Những người tai họa bất trắc, những bệnh truyền nhiễm, những ách nạn suy não trong đời hiện tại, vị lai, trong cõi nhân thiên, nhiều không thể kể xiết như thế, ngày nay chúng con chí thành hướng về mười phương chư Phật, tôn Pháp, Thánh chúng cầu xin sám hối, nguyện đều tiêu diệt.

Trước đã sám hối tất cả phiền não chướng và nghiệp chướng của sáu căn ba nghiệp, tất cả quả báo chướng trong sáu nẻo bốn loài, nay chúng con xin theo thứ lớp phát nguyện hồi hướng.

Chúng con... nguyện đem công đức sám hối ba món chướng kia hồi hướng cho tất cả chúng sinh trong đời hiện tại thân tâm được yên vui, ba tai tám nạn các việc chẳng lành đều tiêu trừ hết thảy, sự ăn mặc được dư dật đầy đủ, chính tín Tam Bảo, xả báo thân này, vãng sinh về cõi Cực Lạc, gần gũi đức Phật Di Đà, được thụ ký để qua đời sau gặp Phật Di Lặc, nghe hiểu chính pháp, theo đó tu hành.

Nguyện đời đời kiếp kiếp bất cứ sinh chỗ nào, thường gặp các vị quốc vương trùng hưng Tam Bảo, không bị sinh vào nhà ngoại đạo tà kiến. Chúng con lại nguyện đời đời kiếp kiếp bất cứ nơi nào, cũng do hoa sen hóa sinh, thuộc giòng giống cao quý, được yên ổn, vui sướng, món ăn thức mặc tự nhiên có sẵn. Chúng con lại nguyện đời đời kiếp kiếp bất cứ là ở chỗ nào, cũng có sẵn lòng nhân từ, trung hiếu, đem tâm bình đẳng cứu giúp chúng sinh, không khởi niệm nghịch hại. Lại nguyện đời đời kiếp kiếp bất cứ sinh ở chỗ nào, cũng thường được chư Phật hộ niệm, thường hàng phục được ma oán và các thứ ngoại đạo, được ở chung một chỗ với các bậc Bồ Tát, một lòng theo đạo Bồ đề không khi nào dứt đoạn. Lại nguyện đời đời kiếp kiếp bất cứ sinh ở chỗ nào cũng nên tỏ Phật, Pháp, tu theo giáo lý đại thừa, phân thân vô số để cứu độ chúng sinh, thẳng tiến đến đạo tràng (thành Phật) không khi nào thoái chuyển.

Chư Phật Bồ Tát đã phát lời thệ nguyện tu hành phúc trí và hồi hướng như vậy.

Cõi hư không có thể cùng tận, cõi chúng sinh có thể cùng tận, nghiệp báo của chúng sinh có thể hết, phiền não của chúng sinh có thể diệt, nhưng sự tu hành hồi hướng của chúng con không bao giờ cùng tận. Phát nguyện và hồi hướng xong, xin hết lòng kính lễ thường trụ Tam Bảo.

Tội do tâm sinh do tâm diệt

Tâm đã diệt tội cũng không còn

Tội hết tâm không hai vắng lặng

Như thế mới là chân sám hối.

Nam mô Cầu Sám Hối Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Quán tự tại Bồ Tát, hành thâm bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá Lợi Tử! thị chư pháp không tướng, bất sinh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức, vô nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới, vô vô minh diệc, vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề tát đỏa y bát nhã ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết bàn. Tam thế chư Phật, y bát nhã ba la mật đa cố, đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Cố tri bát nhã ba la mật đa thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư.

Cố thuyết bát nhã ba la mật đa chú. Tức thuyết chú viết: "Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha." (3 lần)

Tiêu tai cát tường thần chú

Năng mỗ tam mãn đa mẫu đà nẫm, a bát ra để hạ đa xá ta năng nẫm, đất diệt tha. Án khu khu, khu hê, khu hê, hồng hồng, nhập phạ ra, nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, để sắc tra, để sắc tra, sắc trí rì, sắc trí rì, ta phẩn tra, ta phẩn tra, phiến để ca, thất rì duệ, ta bà ta. (3 lần).

Nam mô Tiêu Tai Giáng Kiết Tường Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

Phục nguyện

Tam Bảo chứng minh

Oai thần hộ niệm

Bồ Tát, Thanh Văn

Phạm Thiên, Đế Thích

Tứ Thiên Vương chúng

Thiên Long bát bộ

Hộ pháp thần vương
Nhất thể thiện thần
Đồng thù chứng giám
Đệ tử chúng đẳng
Chí tâm trì tụng
Hồi hướng công đức
Sơn lâm thủy lục
Không dã thị thành
Oan hồn yếu tử
Nhứt thể hương linh
Cu sanh Tịnh Độ.

Thứ nguyện

Đệ tử chúng đẳng
Tiêu trừ nghiệp chướng
Tà ma ngoại đạo
Yêu quái ác tinh
Ly my vọng lượng
Áp trừ chú trớ
Tật bịnh tội khiên
Tai nạn hoạch ương
Nhất thể ác duyên
Tất giai tiêu diệt.

Phổ nguyện

Âm siêu dương thới
Pháp giới chúng sinh
Tình dữ vô tình
Tề thành Phật đạo.
Nam mô A Di Đà Phật (đồng niệm)

Tự quy y Phật
Đương nguyện chúng sanh
Thể giải đại đạo
Phát vô thượng tâm. (1 lạy)

Tự quy y Pháp
Đương nguyện chúng sanh
Thâm nhập kinh tạng
Trí huệ như hải. (1 lạy)

Tự quy y Tăng
Đương nguyện chúng sanh
Thống lý đại chúng
Nhất thể vô ngại. (1 lạy)

Hồi hướng

Cầu an công đức thù thắng hạnh
Vô biên thắng phước giai hồi hướng
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sinh
Tốc vãng vô lượng quang Phật sát.

Nguyện tiêu tam chương trừ phiền não
Nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ
Thế thế thường hành Bồ Tát đạo.

Nguyện sanh Tây phương Tịnh Độ Trung
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
Bất thối Bồ Tát vi bạn hữu.

Nguyện dĩ thử công đức
Phổ cập ư nhất thể
Ngã đẳng dĩ chúng sanh
Giai cộng thành Phật đạo.

Kinh thủy sám

Dịch giả: Sa môn Thích Huyền Dung
Phần chú thích

Tứ Ôn: ơn sư hữu, ơn cha mẹ, ơn chúng sinh, ơn thí chủ.

Tỳ Bà Thi Phật: là tiếng Phạn. Tàu dịch có bốn nghĩa: biến kiến là trí viên mãn như mặt trăng đầy; tịnh quang là phiền não hoặc tập không còn; đã viên tịch; quán kiến thù thắng. Do thế nên Tỳ Bà Thi Phật đứng đầu trong bảy đức Phật.

Thi Khí Phật: là tiếng Phạn. Tàu dịch là Hỏa Đức. Đức Phật này y nơi Hoả Quang Tam Muội mà thành đạo.

Tỳ Xà Phù Phật: là tiếng Phạn. Tàu dịch là tự tại. Đức Phật này dứt hết vô minh hoặc tập, đối với chỗ nào cũng tự tại.

Câu Lưu Tôn Phật: là tiếng Phạn. Tàu dịch là Ứng Đoạn. Đức Phật này đoạn được tất cả phiền não.

Câu Na Hàm Mâu Ni Phật: là tiếng Phạn. Tàu dịch là Kim Tiên. Đức Phật này thân như sắc vàng ánh.

Ca Diếp Phật: là tiếng Phạn. Tàu dịch là Âm Quang. Thân đức Phật này chói sáng suốt hết các ánh sáng khác.

Thích Ca Mâu Ni Phật: là tiếng Phạn. Tàu dịch là Năng Nhon Tịch Mặc. Năng Nhon là họ, Tịch Mặc là tên chữ. Đức Phật này không trụ nơi đường sanh tử, không trụ Niết bàn, hay vận cả bi và trí, lợi vật không cùng. Trong bảy đức Phật này, ba đức Phật trước thuộc về quá khứ Trang Nghiêm kiếp, còn bốn đức Phật sau thuộc về hiện tại Hiền kiếp. Kiếp nói cho đủ theo tiếng Phạn là kiếp ba, tàu dịch là phân biệt thời tiết...

Di Lạc: là họ, tên chính là A Dật Đa, do nơi từ tâm tam muội mà tiến lên nơi quả vị cùng tột.

Sáu căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, và ý.

Mười ác: sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói thêu dệt, rửa nguỵên, nói hai lưỡi, tham, sân, và si.

Tám vạn bốn ngàn trần lao: trần là nhiễm ô, nghĩa là các thứ tà kiến, phiền não hay làm nhiễm ô chơn tánh; lao là nhọc nhằn, nghĩa là các tà kiến phiền não làm cho chúng sinh trôi lăn trong đường sinh tử. Luận về căn bản phiền não không ra ngoài mười sử: tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, và giới thủ. Trong 10 sử này tùy lấy mỗi một sử làm đầu, 9 sử làm phụ, hơn lại thành 100, hơn lại cho ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai thành ra 300. Số 100 về đời hiện tại vì thời gian quá ngắn, không kể đến chỗ tương trợ, chỉ kể quá khứ và vị lai có 200 sử, lại cứ lấy mỗi sử làm đầu, chín sử làm phụ nhân thành 2100. Lại trải qua bốn phần: đa tham, đa sân, đa si, và đẳng phần, tổng số là tám ngàn bốn trăm ($2100 \times 4 = 8400$). Lại tính cả tứ đại (địa, thủy, hỏa, phong) và lục suy (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) là mười thứ, mỗi thứ có 8400, nhân thành tám vạn bốn ngàn trần lao ($8400 \times 10 = 84000$).

Lục trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Sáu phép ba la mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Ba la mật là tiếng Phạn, Tàu dịch là "đáo bỉ ngạn". Do tu sáu pháp này mà qua khỏi biển sinh tử, đến bờ giác ngộ.

37 pháp trợ Bồ đề: 4 pháp niệm xứ, 4 pháp chánh cần, 4 pháp chánh cần, 4 pháp như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 pháp giác chi, 8 pháp đạo phần. 37 pháp này giúp cho người tu hành thành tựu được đạo

quả nên gọi là trợ Bồ đề.

Bốn pháp niệm xứ: niệm là tâm năng quán (tâm hay quan sát), xứ là cảnh sở quán (cảnh bị quán sát). Vì chúng sinh vọng chấp thân ngũ ấm này nên Phật nói 4 phép quán để đối trị:

- a. Quán thân bất tịnh (quán sát thân này là vật nhơ bẩn)
- b. Quán thọ là khổ (quán sát sự thọ lãnh của thân tâm là khổ).
- c. Quán tâm vô thường.
- d. Quán pháp vô ngã (quán sát các pháp không có chủ thể)

Bốn pháp chánh cần:

- a. Đoạn những ác nghiệp đã sanh
- b. Đoạn những ác pháp chưa sanh
- c. Làm cho các pháp lành tăng trưởng
- d. Làm cho các pháp lành chưa sanh được sanh.

Bốn pháp như ý túc:

- a. Dục như ý túc (có tâm ham muốn tu các phép lành thì được như ý)
- b. Niệm như ý túc (quán sát cảnh gì mà nhất tâm chuyên chú vào đó thì được như ý)
- c. Tinh tấn như ý túc (do sự tinh tấn mà tu các phép lành được như ý)
- d. Tư duy như ý túc (do suy nghĩ mà tu tập được kết quả).

Năm căn:

- a. Tín căn: tin theo chánh đạo và trợ đạo
- b. Tinh tấn căn: sự dũng mãnh tu theo thiện pháp.
- c. Niệm căn: ghi nhớ các pháp chánh đạo và trợ đạo
- d. Định căn: nhiếp tâm theo chánh đạo và trợ đạo
- e. Tuệ căn: nhờ có định mà chân tánh sáng suốt không phải ở ngoài vào.

Năm lực: cũng như ngũ căn, nhưng vì thực hành theo ngũ căn thì căn lành có sức sanh, song gốc ác chưa phá hết, nên phải gia công tu tập thêm, khiến cho thiện căn tăng trưởng. Khi thiện căn thành thực, các ác pháp không còn thì gọi là ngũ lực.

Bảy pháp giác chi: giác là tỏ, nghĩa là tỏ biết pháp tu chơn hay nguy. Chi là ngành, nghĩa là 7 pháp này có mỗi ngành khác nhau, không xen lẫn nhau nên gọi là bảy pháp giác chi hay bảy pháp giác phần: trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, trừ giác chi, xả giác chi, định giác chi, niệm giác chi.

Tám pháp đạo phần:

1. Chánh kiến: sự hiểu biết chơn chánh
2. Chánh tư duy: suy nghĩ chơn chánh
3. Chánh ngữ: nói những lời chơn chánh không hư vọng.
4. Chánh nghiệp: hành động chân chánh
5. Chánh mạng: lấy sự khát thực để nuôi sống thân mạng
6. Chánh tinh tấn: tu theo giới, định, tuệ một lòng tinh chuyên, không gián đoạn
7. Chánh niệm: ghi nhớ những pháp chân chánh
8. Chánh định: thu nhiếp thân tâm thường được tịch tịnh.

Tát bà nhã: là tiếng Phạn, Tàu dịch là nhứt thể chủng trí, tức là chỉ cái trí ở quả vị rốt ráo viên mãn của chư Phật.

Tam độc:

1. Tham: đối với cảnh thuận, ham muốn không nhàm
 2. Sân: đối với cảnh nghịch, sinh lòng giận dữ
 3. Si: si mê không biện biệt được chân nguy.
- Ba món này hay phá hoại thiện tâm xuất thế nên gọi là tam độc.

Tam lậu:

1. Dục lậu: chúng sinh nhen kiến hoặc tư hoặc mà tạo nghiệp, nên bị ở mãi trong cõi Dục không khi nào ra khỏi.
2. Hữu lậu: chúng sinh nhen kiến hoặc tư hoặc khởi ra phiền não, nên không thoát ly được cõi Sắc và Vô Sắc.
3. Vô minh lậu: chúng sinh bị vô minh làm si hoặc phải đoạ lạc trong ba cõi.

Tam khổ:

1. **Khổ khổ:** chúng sinh mang thân ngũ ấm này là một điều khổ, lại thêm cái khổ lãnh thọ những nỗi khổ bên ngoài.
2. **Hoại khổ:** khổ vì nhớ tiếc cảnh đang vui thú mà bị tan nát.
3. **Hành khổ:** nỗi khổ sanh ra bởi sự thiên lưu của pháp hữu vi thường không được an ổn.

Tam đảo:

1. **Thường đảo:** đối với pháp vô thường trong thế gian mà khởi chấp cho là thường.
2. **Lạc đảo:** đối với khổ trong thế gian mà khởi chấp cho là vui.
3. **Tịnh đảo:** đối với pháp bất tịnh trong thế gian mà chấp cho là tịnh.

Tam hữu:

1. **Cõi dục:** người, trời, tu la, ngã quỷ, súc sinh, địa ngục đều tùy theo nghiệp như dục vọng mà thọ quả báo ở trong cõi này.
2. **Cõi sắc:** tứ thiên thiên, do đời trước tu tập thiên định thuộc về hữu lậu nên thọ báo sanh ở cõi này.
3. **Cõi vô sắc:** tứ không thiên, do kiếp trước tu tập hữu lậu thiên nên thọ báo sanh ở cõi này, dù không có thân sắc thật làm ngại, nhưng cũng còn tùy theo các nhân đã tạo mà thọ quả báo. (tứ không thiên: không xứ, thức xứ, vô sở hữu ý, phi phi tưởng xứ thiên).

Bốn trụ: là chỉ cho kiến hoặc và tư hoặc.

1. **Kiến nhứt thế trụ địa:** chỉ cho những kiến hoặc trong tam giới.
2. **Dục ác trụ địa:** chỉ cho tất cả tư dục trong cõi Dục.
3. **Sắc ái trụ địa:** chỉ cho tất cả tư hoặc trong cõi Sắc.
4. **Hữu ái trụ địa:** chỉ cho tất cả tư hoặc trong cõi Vô sắc.

Bốn lưu:

1. **Kiến lưu:** chỉ cho kiến hoặc trong ba cõi, nghĩa là ý căn đối pháp trần khởi phân biệt kiến. Như kiến hoặc này bị lưu chuyển mãi mãi trong ba cõi.
2. **Dục lưu:** tức là tư hoặc trong cõi Dục, nghĩa là ngũ căn tham ái ngũ trần nên gọi là tư hoặc (tham, sân, si). Như tư hoặc này nên bị lưu chuyển mãi mãi trong cõi Dục.
3. **Hữu lưu:** hữu là nhân quả không mất, là tư hoặc ở cõi sắc và vô

sắc (tham, mạn). Vì tư hoặc này mà bị lưu chuyển mãi mãi trong cõi sắc và vô sắc.

4. Vô minh lưu: không hiểu rõ chơn vọng gọi là vô minh tức là si hoặc, tư hoặc của ba cõi. Bởi vô minh này nên bị luân chuyển mãi trong vòng sinh tử.

Bốn thủ:

1. Dục thủ: sự tham muốn chấp trước cảnh ngũ trần ở cõi dục.
 2. Kiến thủ: đối với thân ngũ ấm này vọng chấp cho là thật (thân kiến) hoặc chấp đoạn, chấp thường (biên kiến).
 3. Giới thủ: giữ những giới pháp sai lầm.
 4. Ngã ngữ thủ: tùy theo ngôn ngữ giả thuyết, khởi ra chấp ngã, theo chỗ chấp đó mà cố giữ lấy.
- Bốn chấp: chấp có, chấp không, chấp cũng có cũng không, chấp không phải có không phải không.

Bốn duyên:

1. Nhơn duyên: sáu căn làm nhơn sáu trần, sáu trần làm duyên sanh ra thức.
2. Thứ đệ duyên: tâm và tâm sở pháp thứ lớp tương tục khởi ra. (Tâm tâm sở: tâm tức là tâm vương, tâm sở tức là thọ, tưởng, hành).
3. Duyên duyên: tâm tâm sở pháp ý thác nơi cảnh duyên mà sanh.
4. Tăng thượng duyên: sáu căn đối với sáu trần hiển phát ra thức, có sức tăng thượng làm cho các pháp được sinh không bị chướng ngại.

Bốn đại: địa đại (đất), thủy đại (nước), hỏa đại (lửa), phong đại (gió).

Bốn phược:

1. Dục ái thân phược: chúng sinh vì tham ái cảnh ngũ dục lạc nên khởi những hoặc nghiệp ràng buộc thân tâm, không được giải thoát.
2. Sân khuể thân phược: chúng sinh đối với nghịch cảnh hay sanh tâm giận dữ khởi ra hoặc nghiệp ràng buộc thân tâm, không được giải thoát.
3. Giới đạo thân phược: thực hành các pháp giới không chân chánh nên gọi là giới đạo. Do giữ giới sai lầm nên khởi các hoặc nghiệp ràng buộc thân tâm, không được giải thoát.

4. Ngã kiến thân phục: ngã kiến tức kiến thủ. Đối với pháp không phải niết bàn (tứ thiên, tứ không) vọng cho là niết bàn, sanh tâm chấp trước nên gọi là kiến thủ. Do ngã kiến này mà hoặc nghiệp tăng trưởng ràng buộc thân tâm, không được giải thoát.

Bốn tham:

1. Ham muốn sắc đẹp người.
2. Ham muốn hình tướng cao, thấp, yếu điệu của người.
3. Ham muốn sự chạm xúc mềm mại êm ái.
4. Ham muốn sự nâng đỡ, phục tùng của người.

Bốn sinh: noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh.

Năm trụ: bốn trụ đã giải trước, thêm vô minh trụ nữa thành năm.

Năm món cái:

1. Tham dục cái
2. Sân khuể cái
3. Thụy miên cái. Tâm hôn trầm không làm chi được.
4. Trạo hối cái. Trong tâm có sự ăn năn xao động.
5. Nghi cái. Đối với việc gì cũng mờ ám, không biện biệt được chơn ngụy, tâm do dự không quyết đoán.

Năm món xan:

1. Trụ xứ xan: chỗ ở chỉ muốn ở một mình, không có người khác ở.
2. Gia xan: đối với nhà cửa có ý niệm cho là của riêng của mình. Nếu người khác ở chung, cũng cho mình là hơn.
3. Thí xan: có tâm niệm cho rằng chỉ có mình mới được bố thí, ngoài ra không có ai, nếu có cũng cho mình là hơn.
4. Xưng tán xan: chỉ muốn người khen mình, không muốn ai khen người khác.
5. Pháp xan: chỉ muốn một mình mình biết kinh luật sâu xa, không thích cho người khác biết.

Năm món kiến:

1. Thân kiến: vọng chấp thân này có thật.

2. **Biên kiến:** chấp cái thân này là đoạn (chết là mất) hoặc thường (sống mãi mãi).
3. **Tà kiến:** không tin lý nhân quả, hủy báng Tam Bảo.
4. **Giới thử:** đối với giới pháp sai lầm mà cứ cho là đúng.
5. **Kiến thử:** đối với pháp không phải là yên vui mà cho là yên vui.

Năm món tâm:

1. **Suất nhĩ tâm:** tâm mới xúc cảnh chưa phân biệt được thiện ác.
2. **Tâm cầu tâm:** tâm phân biệt được thiện ác, liền theo dõi tìm kiếm.
3. **Quyết định tâm:** tâm đã rõ biết thiện ác rồi, quyết định không sai.
4. **Nhiễm tịnh tâm:** tâm đã rõ biết nhiễm tịnh.
5. **Đẳng lưu tâm:** tâm đối với pháp lành thì những mối tịnh tưởng nối nhau luôn, còn đối với pháp ác thì đoạn cái nhiễm tưởng mãi.

Sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Sáu thức:

1. **Nhãn thức:** mắt thấy
2. **Nhĩ thức:** tai nghe
3. **Tỷ thức:** mũi ngửi.
4. **Thiệt thức:** lưỡi nếm
5. **Thân thức:** chạm xúc.
6. **Ý thức:** sự phân biệt hiểu biết.

Sáu tưởng:

1. **Do ý thức tưởng sắc**
2. **Chấp trước sắc tưởng đến thịnh.**
3. **Chấp trước thịnh tưởng đến hương**
4. **Chấp trước hương tưởng đến vị**
5. **Chấp trước vị tưởng đến xúc**
6. **Chấp trước xúc tưởng đến pháp trần.**

Sáu thọ: chỉ cho sự thọ lãnh của sáu căn đối với sáu trần.

Sáu hành: chỉ có sáu lối hành đạo của ngoại đạo: nhin đói, nhảy xuống vực sâu, nhảy vào lửa, chuyên ngồi mãi, yên lặng mãi, thọ trâu, chó, v.v...

Sáu ái: cũng gọi là sáu món xúc, vì sáu căn cảm xúc sáu trần hay sanh lòng tham ái.

Sáu nghi: nghi là tính do dự, không tin cậy. Nghĩa là sáu căn đối với sáu trần không phân biệt được thiện ác.

Bảy món lậu:

1. Kiến lậu: mắt trông thấy sắc, không rõ sắc tánh bình đẳng, đắm vào phần sắc tướng mà sanh tâm phân biệt, nhân cảnh tốt xấu mà sanh tâm yêu ghét.
2. Chư căn lậu: không những nhãn căn mà cả các căn khác cũng thế.
3. Vong lậu: quên điều lành, dong ruổi theo điều ác.
4. Ác lậu: đối với nghịch cảnh sanh tâm ghét bỏ.
5. Thân cận lậu: không tuân lời thầy dạy, gần gũi bạn ác.
6. Ái lậu: gặp cảnh thuận thì ham mê mãi miết.
7. Niệm lậu: không hiểu chân tâm vô niệm, cứ dong ruổi theo vọng niệm.

Bảy món sử:

1. Dục sử: sự ham muốn sai khiến.
2. Khuể sử: tính nóng giận sai khiến.
3. Ái sử: sự thương yêu sai khiến.
4. Mạn sử: tính kiêu mạn sai khiến.
5. Vô minh sử: sự mê muội sai khiến.
6. Kiến sử: sự tà kiến sai khiến.
7. Nghi sử: sự ngờ vực sai khiến.

Tám món đảo:

1. Sự vật trong thế gian là vô thường mà chấp cho là thường.
2. Ngũ dục lạc không phải vui mà chấp cho là vui.
3. Thân này không phải ta mà chấp cho là ta.

4. Thân này là nhơ nhớp mà chấp cho là sạch.
 5. Pháp thân Phật là thường trụ mà chấp cho là vô thường.
 6. Cảnh niết bàn của Phật là vui mà chấp cho là không vui.
 7. Đối với cái ngã chơn thật Phật tánh mà chấp cho là vô ngã.
 8. Đối với pháp thân của Phật là thanh tịnh mà chấp cho là bất tịnh.
- Trong tám món điên đảo chấp trước này, năm món trước thuộc về phàm phu, ba món sau thuộc về nhị thừa.

Tám món cầu: cầu là nhơ bẩn. Đối với Tam Bảo chẳng những không tín ngưỡng, tán thán lại còn phỉ báng. Ấy là ba cầu của ba nghiệp: thân, khẩu, và ý.

4. Bất hiếu với cha mẹ.
5. Không thờ kính sư trưởng.
6. Không cứu giúp kẻ bần cùng.
7. Không săn sóc người đau ốm.
8. Không thương xót chúng sinh.

Ba điều trước là Kính điền, hai điều kế là Ân điền, ba điều sau là Bi điền. Tám điều này đều là phước điền cả. Đã không chăm nom ruộng phước ấy, mà lại còn không cung kính, không biết ơn, không xót thương cho nên nói rằng vì tám cầu mà tạo ra tất cả tội.

Tám khổ: sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, khổ vì ân ái biệt ly, khổ vì oán thù gặp gỡ, khổ vì mong cầu không được, khổ vì ngũ uẩn nung nấu.

Chín nã: về quá khứ. ai quấy nhiều mình, quấy nhiều người thân thích của mình thì mình sanh nã; ai khéo ngợi kẻ oán của mình, mình cũng sanh nã. Quá khứ như thế, thì hiện tại, vị lai cũng như thế, nên gọi là chín nã.

Chín kết:

1. Ái kết: say đắm cảnh ngũ dục không rời.
2. Nhue kết: giận dữ bất bình đối với nghịch cảnh.
3. Mạn kết: kiêu căng, ngạo nghễ.
4. Vô minh kết: ngu si mờ ám đối với kẻ chân chánh.
5. Kiên kết: kiên trì không tin ngon quả.

6. Thử kết: vọng chấp sự hiểu biết không chân chánh và giới pháp sai lầm làm lắm điều ác.
 7. Nghi kết: dự dự không tin chân lý, không tu hành theo hạnh chân chánh, làm nhiều điều không chân chánh.
 8. Tập kết: ghen ghét những bậc hiền đức.
 9. Xan kết: keo bần không chịu bố thí lại làm nhiều điều ác.
- Chín điều này ràng buộc chúng sinh trong đường sinh tử, vì nó khiến chúng sinh gây nhiều tội lỗi.

Chín duyên:

1. Minh duyên: nhân ánh sáng mà tỏ rõ các sắc.
2. Không duyên: nhân trống không, không có gì ngăn ngại, mới tỏ rõ được các sự thông.
3. Căn duyên: duyên theo ngũ căn, mới thành công dụng.
4. Cảnh duyên: có 5 cảnh trần mới phát ra 5 căn.
5. Tác ý duyên: cảnh cáo cho biết, như khi mắt thấy liền cảnh cáo cho thức thứ sáu (ý thức) biết mà phân biệt.
6. Căn bản y duyên: tức là thức thứ tám.
7. Nhiễm tinh y duyên: tức là mạt na thức.
8. Phân biệt ý thức: tức là thức thứ sáu.
9. Chủng tử duyên: những hạt giống của cả tám thức.

Mười phiền khiến nã: tức là ngũ độn sử và ngũ lợi sử. Ngũ độn sử: tham dục sử, sân khuể sử, vô minh sử, mạn sử, nghi sử. Ngũ lợi sử: thân kiến sử, biên kiến sử, tà kiến sử, kiến thủ sử, giới thủ sử. Ngũ độn sử do ái trước mà có. Ngũ lợi sử do sự nhận thức sai lầm mà có. Cả hai đều gây nên phiền nã.

Mười triền:

1. Vô tâm: có tội lỗi mà không biết hổ.
2. Vô quý: có tội lỗi, người khác biết được mà không thẹn.
3. Tật: thấy người hiền đức, giàu sang sinh lòng ghen ghét.
4. Xan: keo bần không bố thí.
5. Hốt: ăn năn những tội lỗi đã làm.
6. Thụy miên: hôn mê không tỉnh sát được thân tâm.
7. Trạo cử: tâm niệm xao động.
8. Hôn trầm: thân thức hôn mê không rõ biết chi cả.

9. *Sân hận*: đối trước nghịch cảnh hay sanh tâm sân hận.
10. *Phú*: che dấu tội ác.

Mười một biến sử:

1. *Bất tín*: không tin các pháp lành.
2. *Giải đãi*: lười biếng không làm những việc lành.
3. *Bất tầm*: làm điều ác mà không biết hổ.
4. *Bất quý*: làm việc ác mà không biết thẹn.
5. *Đa tham*: tham lam của cải không biết nhàm chán.
6. *Đa sân*: những việc không vừa ý thì nổi giận.
7. *Đa si*: đối với sự lý thế gian và xuất thế gian mê muội không rõ biết.
8. *Hôn trầm*: tối tăm trầm trệ.
9. *Phóng dật*: tâm không muốn làm việc thiện, cứ tự ý buông lung.
10. *Xan lạn*: tánh keo kiệt chật hẹp, từ của cải cho đến lời nói cũng đều bo bo không bố thí cho ai.
11. *Độc hại*: độc ác hơn hùm beo, thường hay kiếm chuyện hại người hại vật.

Mười hai nhập: tức là sáu căn giao hợp với sáu trần mà phát sanh sáu thức, nhân đó có sự yêu ghét và tạo nên tội lỗi.

Mười sáu tri kiến:

1. *Ngã*: đối với pháp ngũ uẩn vọng chấp có thật ngã thật pháp.
2. *Chúng sinh*: đối với pháp ngũ uẩn hòa hợp, vọng chấp có chúng sinh sanh ra.
3. *Thọ giả*: đối với pháp ngũ uẩn vọng chấp có cái ta thọ báo trong một kỳ hạn.
4. *Mạng giả*: đối với pháp ngũ uẩn vọng chấp có mạng của ta là thật.
5. *Sanh giả*: đối với pháp ngũ uẩn vọng chấp có cái ta hay sanh mọi sự mọi vật.
6. *Dưỡng dục*: đối với pháp ngũ uẩn vọng chấp có cái ta nuôi nấng mọi người và cha mẹ ta nuôi nấng ta.
7. *Chúng sở*: đối với pháp ngũ uẩn vọng chấp cho rằng chỉ có ta mới có những pháp số như năm ấm mười hai nhập, mười tám giới.
8. *Nhân*: vọng chấp cho rằng chỉ có ta mới có thể tu hành được, còn người khác không thể tu được.

9. Tác giả: đối với pháp ngữ uẩn vọng chấp cho rằng tay chân sức lực của ta có thể làm công việc được.
10. Sử tác giả: đối với pháp ngữ uẩn vọng chấp cho rằng ta hay sai khiến người làm việc.
11. Khởi giả: đối với pháp ngữ uẩn vọng chấp cho rằng ta khởi những nghiệp tội phước ở đời sau.
12. Sử giả: đối với pháp ngữ uẩn vọng chấp có cái ta hay sai khiến người khác khởi nghiệp tội phước ở đời sau.
13. Thọ giả: đối với pháp ngữ uẩn vọng chấp rằng thân ta sẽ thọ quả báo tội phước ở đời sau.
14. Sử thọ giả: đối với pháp ngữ uẩn vọng chấp cho rằng ta hay khiến người khác thọ quả báo tội phước ở đời sau.
15. Trí giả: đối với pháp ngữ uẩn vọng chấp ta có ngũ căn, hay biết được ngũ trần.
16. Kiến giả: đối với pháp ngữ uẩn vọng chấp ta có nhãn căn, thấy biết được tất cả sắc tướng.
- Mười sáu pháp này sở dĩ gọi là kiến vì vọng chấp ngã, nên khởi ra những sự hiểu biết sai lầm (tà kiến).

Mười tám giới: tức là sáu căn, sáu trần, sáu thức làm nhờn duyên với nhau mà tạo ra tất cả tội lỗi.

Hai mươi lăm ngã: cũng gọi là hai mươi lăm chứng ngoại đạo minh đế. Lối chấp đây là của phái ngoại đạo Ca ti la. Phái này có tu thiền định, cũng có sức thần thông biết được việc trong tám vạn kiếp, còn việc trước tám vạn kiếp thì mờ mịt không biết được nên cho đó là minh đế. Từ minh sở, tự tánh sinh ra trí đại cho đến thần đại khai ra thành 25 để hợp lại thành 9 vị:

1. Minh sơ tự tánh: phái này đối với tám vạn kiếp về trước mờ mịt nên nhân cho chỗ mờ mịt ấy là tự tánh.
2. Trí đại cũng gọi là giác đại: lúc minh sơ giác trí tăng trưởng lần lần nên nói rằng từ minh sơ sanh trí đại.
3. Ngã tâm: cũng gọi là ngã mạn tức là ngã chấp tà vô giác trí sanh ngã mạn, nên nói do trí đại sanh ngã tâm.
4. Ngũ duy: cũng gọi là ngũ vị tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Năm thứ này do tâm ngã chấp sanh ra, nên nói ngã tâm sanh ngũ duy.
5. Ngũ đại: địa, thủy, hỏa, phong, không. Năm thứ này đầy khắp các chỗ nên nói là đại. Bởi cực vi sanh ra, nên nói bởi ngũ duy sanh ngũ

đại.

6. Ngũ tri căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân gọi là tri, vì năm thứ này đều có trí giác, hơn ngũ đại mà thành, nên nói ngũ đại sanh ngũ tri căn.

7. Ngũ tác nghiệp căn: ngũ căn đây là miệng, tay, chân, tiểu tiện, đại tiện. Sở dĩ gọi là nghiệp vì năm thứ này sanh ra các tác nghiệp.

8. Tâm bình đẳng căn: tâm đây là nhục đoàn tâm, tức là ý căn. Bởi căn này hay biết tất cả những căn cảnh mà sinh ra sự phân biệt, nên gọi là bình đẳng. Nó cũng do ngũ đại sanh ra hợp với ngũ trí, ngũ tác nghiệp thành 11 căn.

9. Thần ngã: thức thứ tám; ngoại đạo không biết, chấp cho rằng thần ngã hay sinh ra tất cả pháp thường trú, không hư hoại là niết bàn là chúa tể của 25 đế, không biết rằng vạn pháp duy tâm, cứ mê theo minh tánh, sinh tâm bất tín và khinh khi Tam Bảo, hủy báng chánh pháp.

Sáu mươi hai kiến: đối với pháp ngũ ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), mỗi ấm phái ngoại đạo khởi bốn món kiến:

1. Chấp sắc lớn, ngã nhỏ, ngã ở trong sắc.
2. Chấp ngã lớn, sắc nhỏ, sắc ở trong ngã.
3. Ngoài sắc chấp ngã riêng.
4. Ngã tức là sắc.

Sắc ấm như thế thì các ấm kia cũng như thế, cộng thành 20 kiến, trải ba đời nhân thành 60 kiến, thêm hai phần căn bản là đoạn kiến và thường kiến thành 62 kiến. Vì rừng kiến chấp sai lầm này nên người đời không chứa một tội lỗi nào mà không làm.

Chín mươi tám món sử: khổ đế trong cõi dục đủ cả mười sử: tham sử, sân sử, si sử, mạn sử, nghi sử, thân kiến sử, biên kiến sử, tà kiến sử, kiến thủ sử, giới thủ sử. Tập đế, diệt đế mỗi đế chỉ có bảy sử, trừ thân kiến, biên kiến và giới thủ. Đạo đế có tám sử trừ thân kiến và biên kiến. Tứ đế ở cõi dục có 32 sử, ở cõi sắc và vô swsc cũng thế chỉ trừ mỗi đế một sân sử, còn lại trong mỗi cõi là 28 sử. Cộng 56 sử ở cõi sắc và vô sắc với 32 sử ở cõi dục thành ra 88 sử. Ở cõi dục có bốn thứ tư hoặc (tham, sân, si, mạn); cõi sắc và vô sắc, mỗi cõi có ba thứ tư hoặc (tham, si, mạn); thế là 10 tư hoặc trong ba cõi với 88 sử (kiến hoặc) thành 98 sử.

Một trăm tám phiền não: sáu căn đối với sáu trần có ba quan điểm không đồng: ưa; ghét; không ưa không ghét, nhân thành 18 món

phiền não. Sáu căn đối với sáu trần sanh ra 18 món phiền não ấy, lại còn khởi ra 18 món phiền não nữa là: khổ, vui, không khổ không vui; cộng thành 36. Trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai mỗi đời có 36 món phiền não tổng cộng là 108 món phiền não.

Các cửa hữu lậu: chỉ cho tất cả phiền não lậu lạc trong ba cõi: lục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

Ba cõi: cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc.

Sáu đường: trời, người, tu la, địa ngục, ngã quỷ, súc sinh.

Ba món trí tuệ:

- 1. Văn: do nghe lời Phật dạy trong kinh luận hay nghe thiện hữu trí thức mà sinh được trí tuệ vô lậu.*
- 2. Tư: sau khi nghe rồi, do sự nghiệm xét những nghĩa ấy mà sinh được trí tuệ vô lậu.*
- 3. Tu: do nghe và nghiệm xét rồi gia công tu tập sinh được trí tuệ vô lậu.*

Ba món khổ: khổ khổ, hoại khổ và hành khổ.

Ba nguyện lớn:

- 1. Nguyện độ tất cả chúng sinh.*
- 2. Nguyện thành Phật đạo.*
- 3. Nguyện được niết bàn rốt ráo.*

Bốn tâm bình đẳng: từ, bi, hỷ, xả.

Bốn tín nghiệp: tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, tin Giới.

Bốn đường ác: địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, tu la.

Bốn vô úy:

1. Nhứt thế trí: hiểu biết tất cả pháp thế và xuất thế.
 2. Lậu tận: hoặc nghiệp sinh tử đều hết.
 3. Thuyết chương đạo: nói pháp ma ngoại là chương thánh đạo.
 4. Thuyết tận khổ đạo: nói những đạo pháp có thể diệt hết các khổ.
- Bốn điều này, Phật đối giữa đại chúng, các hàng thiên ma, phạm thiên, sa môn, bà la môn, nói một cách tự tại không sợ ai, không ai nói được nên gọi là vô úy.

Năm đường: trời, người, ngã quỉ, súc sinh, địa ngục.

Năm căn: tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

Năm thứ tịnh nhãn:

1. Nhục nhãn: mắt thịt, thấy gần không thấy xa, thấy ngoài không thấy trong, vì bị sắc chất chướng ngại.
2. Thiên nhãn: mắt của chư thiên, như tu thiên định mà thành. Mắt này có thể thấy tất cả, xa gần, trước sau, trên dưới, ngày đêm, vì không có sắc chất làm ngăn ngại.
3. Tuệ nhãn: mắt của hàng nhị thừa (Thanh Văn, Duyên Giác) quán thấy tất cả pháp đều không.
4. Pháp nhãn: mắt của Bồ Tát, Bồ Tát vì độ sanh dùng pháp nhãn thanh tịnh quán khắp tất cả các pháp và tất cả chúng sinh, đem những môn phương tiện dạy dỗ họ khiến tu chứng.
5. Phật nhãn: mắt của Phật có đủ bốn con mắt trước, nhưng có phần đặc biệt hơn như người thấy rất xa, Phật thấy rất gần; người thấy tối tăm, Phật lại thấy sáng; cho đến không việc gì mà ngài không thấy, không biết, không nghe, không cần để ý mà đều thấy nghe tất cả.

Năm phần pháp thân: giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến.

Sáu món thần thông:

1. Thiên nhãn thông: mắt thấy suốt tất cả không bị vật chi ngăn ngại.
2. Thiên nhĩ thông: tai nghe thấu tất cả tiếng của chúng sinh không bị

vật chi ngăn ngại.

3. Túc mạng thông: rõ biết kiếp trước của mình và của chúng sinh không bị điều gì ngăn ngại.

4. Thần túc thông: có thể dạo khắp vô lượng thế giới tự tại vô ngại.

5. Tha tâm thông: tất cả phiền não đều đoạn trừ hết.

Sáu phép lục độ:

1. Bố thí: đem các món tài pháp ban bố cho tất cả chúng sinh.

2. Trì giới: giữ gìn những giới hạn.

3. Nhẫn nhục: nhẫn chịu những nghịch cảnh.

4. Tinh tấn: siêng năng tu tập năm pháp.

5. Thiền định: tâm thường chăm chú cảnh thiện.

6. Trí tuệ: được trí sáng suốt thông đạt các pháp và các tuệ, đoạn hoặc chứng chơn.

Sáu diệu hành:

1. Sở diệu: đếm hơi thở để thu nhiếp vọng tâm (từ 1 đến 10)

2. Tùy diệu: nhiếp tâm theo hơi thở biết hơi ra hơi vào.

3. Chỉ diệu: yên lặng suy nghĩ.

4. Quán diệu: phân biệt rõ ràng.

5. Hoàn diệu: chuyển tâm chiếu lại.

6. Tịnh diệu: tâm không nương tựa vào đâu, không sanh mỗi nghĩ xằng.

Hoa thất tịnh:

1. Giới tịnh: động tác của tâm khẩu thanh tịnh.

2. Tâm tịnh: tâm thanh tịnh không còn nhiễm trước.

3. Kiến tịnh: thấy được chơn tánh các pháp khôn còn khởi vọng chấp.

4. Độ nghi tịnh: hiểu thấu đáo khôn còn ngờ vực.

5. Phân biệt đạo tịnh: phân biệt rõ ràng chánh đạo, tà đạo.

6. Hành đạo chi kiến tịnh: tri kiến thật hành thiện pháp, các ác pháp bị đoạn trừ, được thanh tịnh sáng suốt.

7. Niết bàn tịnh: chứng được niết bàn, xa lìa các cấu nhiễm.

Nước bát giải: tu theo phép quán bát bội xả.

1. Nội hữu sắc tướng ngoại quán sắc. Vì muốn diệt trừ lòng tham

đắm, người tu hành trước phải quán thân mình là vật như nhóp, nhưng vì lòng tham đối với thân người, nên cũng phải quán cái thân người khác cũng như thế.

2. Nội vô sắc tướng ngoại quán sắc. Mới diệt được sắc tướng ở trong thân, nhưng lòng tham dục đối với người ở cõi dục khó đoạn hết.

3. Tịnh bội xả thân tác chứng. Đến đây khôn còn tham trước tướng bất tịnh ở ngoài, chỉ ở trong cảnh định luyện tập tâm sắc quang minh trong suốt (tịnh bội xả). Tâm đã sáng suốt thì vui càng tăng trưởng đầy khắp trong thân (bội xả).

4. Hư không xứ bội xả: người tu hành diệt được lòng ham muốn sắc thân bất tịnh của mình và của người, được nhứt tâm duyên Không, cùng với không tương ứng, tức nhập được định "vô biên hư không xứ".

5. Thức xứ bội xả: do xả, nên nói hư không xứ định, nhứt tâm duyên thức. Lúc nhập định này tức quán định nhàm chán không ưa đắm nữa.

6. Vô sở hữu xứ bội xả: do xả thức xứ, nhứt tâm duyên vô sở hữu xứ. Lúc nhập định này, tức quán định y nơi năm uẩn đều không thật, nên khôn còn ái trước nữa.

7. Phi hữu tướng phi vô tướng xứ bội xả: do xả vô sở hữu xứ định, nhứt tâm duyên phi hữu tướng, phi vô tướng. Lúc nhập định này, y nơi năm uẩn đều khôn thật nên tâm sanh nhàm chán.

8. Diệt thọ tướng bội xả: vì nhàm chán cái tâm tán loạn, nên nhập định cho diệt hẳn tâm ấy đi.

Khi đắc định cả rồi, thì thành ra tám đạo giải thoát, nên gọi là bát giải.

Cửu đoạn trí: cái trí đoạn được các hoặc trong tam giới của địa: ngũ thủ tạp cư địa, ly sinh hỉ lạc địa, định sinh hỉ lạc địa, ly hỉ diệu lạc địa, xả niệm thanh tịnh địa, không vô biên xứ địa, thức vô biên xứ địa, vô sở hữu xứ địa, phi phi tướng xứ địa.

Hạnh thập địa: hoan hỉ, ly cấu, phát quang, diệm tuệ, nan thắng, hiện hành, viễn hành, bất động, thiện tuệ, pháp vân.

Mười một món không:

1. Nội không: không có tình.

2. Ngoại không: không có cảnh.
3. Nội ngoại không: tịnh, cảnh đều không.
4. Hữu vi không: cả sáu cõi phàm cũng không.
5. Vô vi không: cả pháp xuất thế nhị thừa cũng không.
6. Vô thủ không: không cả quá khứ.
7. Tính không: hiện tại không trụ ở chỗ không.
8. Vô sở hữu không: vị lai vô tận cũng không.
9. Đệ nhất nghĩa không: các pháp xuất thế cũng đều không.
10. Không không: không cũng không có nữa.
11. Đại không: tuyệt đối vô ngại không.

Đối với cái không này đều hiểu chân thật, thường ở trên tòa pháp không, nên mới được thể tâm tự tại mà có thể chuyển mười hai pháp luân được.

Mười hai hành pháp luân: khi Phật mới thành đạo, ba lần nói pháp tứ đế cho các vị tỳ kheo nghe:

1. Thị chuyển: nói khổ, tập, diệt, đạo.
2. Khuyến chuyển: khuyên nên nhân biết khổ, tập, diệt, đạo.
3. Chứng chuyển: Phật cho biết đó là khổ mà chính Phật đã biết rồi không cần biết nữa, chỉ bảo các tỳ kheo phải biết; đó là tập, Phật đã đoạn rồi, không cần đoạn nữa, chỉ bảo các tỳ kheo phải đoạn; đó là diệt, Phật đã chứng rồi không cần phải chứng nữa, chỉ bảo các tỳ kheo phải chứng; đó là đạo, Phật đã tu rồi không cần tu nữa, chỉ bảo các tỳ kheo phải tu. Đó là ba lần chuyển thành mười hai pháp luân.

Mười tám món bất cộng pháp:

1. Thân không lỗi
2. Miệng không lỗi
3. Niệm không lỗi
4. Không có tâm tưởng khác
5. Không có tâm bất định
6. Không có tâm không biết mà đã xả
7. Sự muốn không giảm
8. Tinh tấn không giảm
9. Niệm không giảm
10. Tuệ không giảm
11. Giải thoát không giảm
12. Giải thoát tri kiến không giảm

13. Tất cả thân nghiệp theo trí tuệ mà hành động.
 14. Tất cả khẩu nghiệp theo trí tuệ mà hành động
 15. Tất cả ý nghiệp theo trí tuệ mà hành động
 16. Trí tuệ biết đời vị lai không ngại
 17. Trí tuệ biết đời quá khứ không ngại
 18. Trí tuệ biết đời hiện tại không ngại
- Mười tám món này nói là bất cộng pháp vì chỉ riêng Phật chứng được mà thôi.

Tám thói xấu:

1. Lợi: những lợi lộc chỉ muốn có ích cho riêng mình.
2. Suy: giảm bớt
3. Hủy: hủy báng
4. Dự: khen trước mặt chê sau lưng
5. Xưng: khen ngợi
6. Cơ: chê bai
7. Khổ: bức bách khổ não
8. Lạc: ý khoan khoái.

Mười hai nhân duyên:

1. Vô minh: không rõ được bốn tánh
2. Hành: làm những việc lành và dữ
3. Thức: chỉ có A lại gia thức
4. Danh: sắc
5. Lục nhập: sáu căn nhập với sáu trần
6. Xúc: sáu căn xúc với sáu trần
7. Thọ: lãnh nạp những cảnh tốt, xấu, khổ, vui.
8. Ái: tham mến những vật tốt đẹp
9. Thử: do sự ham muốn quá nhiều đối với cảnh ngũ trần.
10. Hữu: vì những sự ham muốn tìm cầu nên khởi những nghiệp nhân thiện ác phải chịu quả báo trong ba cõi.
11. Sanh: do nghiệp nhân thiện ác nên phải thọ sanh trong sáu đường.
12. Lão tử: sau khi thọ sanh thì thân ngũ ấm dần dần biến hoại.

Mười phép ba la mật:

1. Bố thí

2. Trì giới
3. Nhẫn nhục
4. Tinh tấn
5. Thiền định
6. Trí tuệ
7. Thiệt xả phương tiện
8. Nguyên trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh.
9. Lực dụng, hạnh mãn, công thành
10. Trí tuệ quyết đoán không lầm.

Tứ không thiên: không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi tướng xứ. Tứ không này ở cõi trời vô sắc.

Bốn câu: có; không; cũng có cũng không; không phải có, không phải không. Lối chấp này của ngoại đạo.

Trăm lỗi: trong bốn câu, mỗi câu đủ bốn câu, hơn thành 16 câu, tính cả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai thành 48 câu, lại chia một phần đã khởi, một phần chưa khởi, thành 96 câu, hợp lại với bốn câu chánh thành một trăm câu (100 lỗi).

Bảy phép phương tiện:

1. ngũ đình tâm quán:
 - a. quán bất tịnh để đối trị lòng tham dục
 - b. quán từ bi để đối trị lòng sân giận
 - c. quán sở tức để đối trị tâm tán loạn
 - d. quán nhân duyên để đối trị tâm si mê
 - e. quán niệm Phật để đối trị nghiệp chướng
2. Biệt tướng niệm: quán riêng từng tướng như tứ niệm xứ - quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã.
3. Tổng tướng niệm: trong một niệm quán đủ cả thân, thọ, tâm, pháp, như quán thân bất tịnh thì biết cả thọ, tâm, pháp cũng thế.
4. Noãn vị: lấy chỗ biệt tướng cùng tổng tướng, quán cảnh tứ đế phát ra phần hiểu biết tương tự, phục phiền não hoặc, được chút khi phần của Phật cũng như cọng cây lấy lửa, lửa tuy chưa thấy nhưng trước đã được hơi ấm.

5. **Đảnh vị:** tu theo noãn vị càng ngày càng tăng tiến, định quán phân minh (ở trên noãn vị như lên đỉnh núi thấy cả bốn phương).

6. **Nhẫn vị:** bởi công tu trước, thiện căn ngày càng tăng tiến, đối với cảnh tứ đế kham nhẫn làm vui.

7. **Thế đệ nhứt vị:** tu phép tứ đế đến đây lần thấy pháp tánh, sắp vào sơ quả, tuy chưa vào bậc chánh đạo mà đối với thế gian là đệ nhất.

Không: không quán, quán rõ tâm pháp đều không.

Bình đẳng: giả quá, quán tất cả pháp đều giả có.

Trung đạo: trung quán, quán không phải trung, không phải giả, tức không tức giả.

Cửu không định: cửu thứ đệ định: sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi phi tưởng xứ, diệt thọ tưởng xứ.

Thập trí: tức là tứ đế trí (đã giải trước) thêm thế tục trí, pháp trí, loại trí, tha tâm trí, tận trí, vô sanh trí.

Tam tam muội:

1. Không tam muội: quán các pháp từ nhân duyên sanh không có ngã và ngã sở.

2. Vô tướng tam muội: xa lìa những tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc và tướng nam, tướng nữ.

3. Vô tác tam muội: đối với các pháp xả hết tâm mong muốn, không còn sự tạo tác.

Tứ vô ngại:

1. Nghĩa vô ngại: biết rõ tất cả các pháp, nghĩa lý thông đạt, không trệ.

2. Pháp ngại: Bồ Tát biết rõ các pháp, danh tự phân biệt không trệ.

3. Từ vô ngại: Bồ Tát đối với tất cả các pháp danh tự, nghĩa lý tùy thuận tất cả chúng sinh, dùng phương tiện ngôn ngữ diễn nói, khiến cho ai nghe nấy đều hiểu rõ.

4. Nhạo thuyết vô ngại: Bồ Tát hay tùy thuộc căn tánh của tất cả chúng sinh ưa nghe pháp chi thì sẽ vì họ nói pháp ấy một cách viên dung vô ngại.

Tứ đẳng: tức là bốn món vô lượng tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả; từ nơi cảnh sở duyên (chúng sinh) nói là vô lượng; từ nơi tâm năng duyên (Bồ Tát) nói là bình đẳng nên gọi là đẳng.

Tứ nhiếp:

1. Bố thí nhiếp: Bồ Tát dùng tài pháp bố thí nhiếp dẫn chúng sinh trụ nơi chân lý.

2. Ái ngữ nhiếp: Bồ Tát hay tùy thuận căn cơ của chúng sinh và dùng lời nói hay, ủy dụ họ trụ nơi chân lý.

3. Lợi hành nhiếp: Bồ Tát khởi hạnh từ thiện nơi thân, khẩu, ý làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, nhờ đó họ được trụ nơi chân lý.

4. Đồng sự nhiếp: Bồ Tát dùng pháp thấy rõ căn tánh của chúng sanh, tùy theo chỗ ưa muốn của họ mà phân hình thị hiện, khiến họ được thấm nhuần lợi ích, nhờ đó họ được an trụ nơi chân lý.

Bốn hồng thệ:

1. Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ. Ý nơi cảnh khổ đế, Bồ Tát quán thấy chúng sinh vô biên bị khổ sinh tử áp bức, nên phát nguyện độ thoát họ ra khỏi ba cõi.

2. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn. Ý nơi cảnh tập đế, Bồ Tát thẩm sát phiền não hoặc nghiệp vô lượng hay chiêu tập quả khổ sinh tử, nên phát nguyện đoạn trừ và khiến cho chúng sinh cũng đoạn trừ.

3. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Ý nơi cảnh đạo đế, Bồ Tát thẩm sát đạo pháp vô lượng có thể đưa tới niết bàn, tự mình biết rồi nguyện cho tất cả chúng sinh đều chứng biết.

4. Phạt đạo vô lượng thệ nguyện thành. Ý nơi cảnh diệt đế, Bồ Tát thẩm sát quán Bồ đề tối thắng không chi hơn, tự mình thành tựu lại nguyện cho tất cả chúng sinh cũng đều được thành tựu.

Thập minh: chỉ cho thập tín: Tín tâm, niệm tâm, tinh tấn tâm, tuệ tâm, định tâm, bất thối tâm, hộ pháp tâm, hồi hướng tâm, giới tâm,

nguyện tâm.

Thập hạnh: hoan hỉ hạnh, nhiều ích hạnh, vô sân hạnh, ly si loạn hạnh, thiện hiện hạnh, vô trước hạnh, tôn trọng hạnh, thiện pháp hạnh, chơn thật hạnh.

Thập hồi hướng: hồi - hồi chuyển; hướng - thu hướng. Hồi hướng là khởi lòng đại bi cứu độ chúng sinh, xoay chuyển căn lành của mười hạnh, hướng về ba chỗ:

- a. chỗ sở chứng như như thật tế
 - b. chỗ sở cầu vô thượng bồ đề
 - c. chỗ sở độ tất cả chúng sunDEFINEDnh.
1. Cứu tất cả chúng sinh mà lìa tướng chúng sinh bị độ.
 2. Bất hoại: trước lìa chúng ính tướng là hoại; hoại tức là không, bất hoại tức giả, không và giả chẳng phải hai, chính rõ trung đạo mà qui thú nơi bốn giác.
 3. Đẳng nhưt thiết Phật: tánh bốn giác trạm nhiên thường trú mà cái trí năng giác ngang bằng với Phật giác.
 4. Chí nhưt thiết xứ hồi hướng: được trí năng giác trước kia cùng khắp tất cả chỗ.
 5. Vô tận công đức tạng hồi hướng: công đức nhiều không cùng nên tất cả thế giới của đức Như Lai có thể xen lẫn cùng nhau không ngăn ngại.
 6. Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng: đối với lý địa của chư Phật khởi nhân chơn chánh của muôn hạnh và hiển chứng được đạo nhất thừa tịch diệt.
 7. Tùy thuận bình đẳng quán nhưt thiết chúng sinh hồi hướng: đã tu những nhân chân chánh thiện căn thành tựu, có thể quán biết mười phương chúng sinh đồng một bốn tánh; tánh đã bình đẳng thì mới làm cho thiện căn của chúng sinh thành tựu không sơ sót không cao thấp.
 8. Chân như tướng hồi hướng: lìa vọng là chân, không khác là như, nghĩa là tất cả pháp tánh vốn chân như.
 9. Vô phược giải thoát hồi hướng: tướng chân như đã hiện thì trí tuệ rõ ràng; trí tuệ rõ ràng thì y báo, chánh báo trong mười phương thấy nhiếp một cách viên dung tự tại vô ngại.
 10. Pháp giới vô lượng hồi hướng: khi đã chứng được tánh đức chân như thành tựu viên mãn trùm nhiếp cùng khắp thì không còn phân

biệt sự sai khác cái tướng của mười cõi.

Thập nguyện:

1. Lễ kính chư Phật
2. Xưng tán cúng dường
3. Quảng tu cúng dường
4. Sám hối nghiệp chướng
5. Tùy hỷ công đức
6. thỉnh chuyển pháp luân
7. Thỉnh Phật trụ thế
8. Thường tùy Phật học
9. Hằng thuận chúng sinh
10. Phổ giai hồi hướng

Sơ địa: hoan hỷ. Bồ Tát thấy chúng sinh tâm bị tà kiến chướng ngại, nên khởi từ tâm tu theo hạnh xả, trong thân tâm ngoài của cải không lẫn tiếc. Do đó cảm quả tâm được hoan hỷ.

Nhi địa: ly cấu. Bồ Tát thấy chúng sinh tạo mười nghiệp ác, tâm đọa vào hạnh tà nên phát từ tâm tu mười nghiệp lành xa lìa được dục cấu.

Tam địa: Phát quang. Bồ Tát thấy chúng sinh mê hoặc tối tăm che mắt pháp lành nên phát tâm quảng đại đúng như pháp mà tu hành, nhân đó trí tuệ phát ra sáng suốt.

Tứ địa: Diệm tuệ. Bồ Tát thấy chúng sinh phiền não, nên phát tâm đại từ tu 37 phẩm trợ đạo, nhân đó phát ra diệm tuệ. Bốn địa này thiên về không, nên gọi là minh giải vì có nhiều công soi xét được bên trong.

Ngũ địa: nan thắng. Bồ Tát thấy các bậc hạ thừa đắm trệ vào cảnh hữu dư niết bàn, ưa sự vắng lặng, độc thiện, nên phát từ tâm tu tập bình đẳng gia hạnh ngộ được chơn đế và tục đế, được trí không sai

biệt.

Lục địa: thiện hiện. Bồ Tát thấy chúng sinh bị đọa vào sinh tử, nên phát tâm đại bi, tu hạnh bình đẳng lợi sinh, nhân đó trí tuệ được hiện tiền.

Thất địa: viễn hành. Bồ Tát vì thế nguyện độ chúng sinh, nên phát tâm từ bi gia công tu tập tất cả những "pháp bồ đề phần", ngộ được không vô tướng, vô nguyện tam muội.
Ba địa này thiên về giả nên gọi là trí kiến, vì dùng bên ngoài nhiều.

Bát địa: bất động. Bồ Tát không bỏ nhiệm vụ độ sinh, gia công tu tập đạo hạnh thanh tịnh, lìa sự phân biệt chấp trước về tâm, ý, thức, chứng được vô sinh pháp nhẫn, tất cả phiền não không còn lay động được.

Cửu địa: thiện huệ. Bồ Tát dùng vô lượng trí quán sát cảnh giới chúng sinh đều biết như thật, được trí tuệ vô ngại; khôn khéo nói khắp các pháp, khiến cho chúng sinh đều lợi ích.

Thập địa: pháp vân. Bồ Tát dùng vô lượng trí tuệ quan sát và hiểu biết rõ ràng pháp tam muội hiện tiền, khi được đại pháp dùng thân làm mây trùm khắp tất cả chúng sinh đầy đủ tự tại.
Từ địa thứ tám trở đi, chuyển được tạng thức rồi mới được bình đẳng cho nên địa sau cũng gọi là song chiếu (chiếu không, chiếu giả).

Nghiệp chướng: nghiệp là hành nghiệp; chướng là ngăn che.
Nghiệp chướng là những phiền não, tham, sân, si, v.v... làm cho thân, khẩu, ý tạo ra vô số tội nghiệp ngăn che chánh đạo.

Mười lực:

1. Trí thị xứ tri phi xứ lực. Đức Như Lai đối với tất cả nhân duyên quả báo, xét ra là thật và biết rõ ràng, nên gọi là tri thị xứ. Nếu làm việc

ác mà thọ quả báo vui thì không có lẽ ấy, nên gọi là tri phi xứ.

2. Trí quá hiện vị lại nghiệp báo trí lực. Đức Như Lai đối với nghiệp duyên quả báo và chỗ sinh của tất cả chúng sinh trong ba đời đều biết rõ khắp cả.

3. Tri chư thiên giải thoát tam muội trí lực. Tam muội là tiếng Phạn, Tà dịch ra là chánh định. Đức Như Lai đối với các thiên định tự tại vô ngại. Những thiên định ấy cạn sâu thứ lớp, ngài đều biết khắp như thật.

4. Tri chư căn liệt trí lực. Đức Như Lai đối với những căn tánh thắng liệt của chúng sinh đều biết khắp như thật.

5. Tri chủng chủng giả trí lực. Đức Như Lai đối với những ưa muốn thiện ác của chúng sinh đều biết khắp như thật.

6. Tri chủng chủng giới trí lực. Đối với những giới phần của chúng sinh đức Như Lai đều biết khắp như thật.

7. Tri nhứt thế chí xứ đạo trí lực. Đối với chỗ đi đến của lục đạo hữu lậu hạnh và chỗ đi đến của niết bàn vô lậu hạnh đều biết hết.

8. Tri thiên nhãn vô ngoại trí lực. Đức Như Lai chứng thiên nhãn thanh tịnh, thấy được chúng sinh lúc chết lúc sống, những nghiệp duyên đoan chánh, xấu xa hay thiện ác. Ngài đều thấy rõ một cách vô ngại.

9. Tri túc mạng vô lậu trí lực. Đối với túc mạng của chúng sinh trong một đời cho đến trăm ngàn muôn đời, một kiếp cho đến trăm ngàn muôn kiếp, chết chỗ này sinh chỗ khác, chết chỗ kia sinh chỗ này, cả đến tên họ và sự ăn, uống, khổ, vui đức Như Lai đều biết khắp như thật.

10. Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực. Đức Như Lai đối với tất cả tập khí dư hoặc phần vĩnh đoạn không sinh đều biết khắp như thật.

Ngũ nghịch: giết cha, giết mẹ, giết a la hán, phá hòa hiệp của chúng tăng, làm cho thân Phật chảy máu.

Vô gián: chỉ cho địa ngục A tỳ. Trong ngục này từ sự chịu khổ cho đến tâm hạnh đều không gián đoạn một lúc nào, nên gọi là vô gián.

Xiển đề: tiếng Phạn, Tà dịch là tín bất cụ, nghĩa là kẻ ác không đủ lòng tin đối với Tam Bảo.

Thập ác: sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói thêu dệt, nói lời độc ác, nói hai lưỡi, tham, sân, si.

Tứ trọng: sát sanh, trộm cướp, dâm dục, nói dối. Trong luật cho bốn điều này là căn bản giới. Nếu giữ được là giải thoát, không giữ được là gốc của sự đoạ lạc.

Bát trọng: tám giới của tỳ kheo ni, tức bốn giới trên thêm 4 giới mới: chạm xúc, tùy thuận, phủ tàng(che dấu), kỳ hện.

Giới bát quan trai:

1. Không sát sanh
2. Không trộm cướp
3. Không dâm dục
4. Không nói dối
5. Không uống rượu
6. Không trang điểm
7. Không hát múa đàn địch hay cố ý xem nghe.
8. Không được ngồi giường cao nệm tốt và không được ăn quá giờ Ngọ.

Ngũ thiên thất tỵ: tức là 250 giới của tỳ kheo.

Giới ưu bà tắc: tức là năm giới cấm của hàng tại gia cư sĩ.

Khinh trọng cấu: năm giới cấm của ưu bà tắc, bốn giới trước là trọng, giới sau là khinh. Phạm hết giới thì bị nhiễm ô, đoạ lạc.

Phạm hạnh: giới hạnh thanh tịnh.

Tám ngày vượng: lập xuân, xuân phân, lập hạ, hạ chí, lập thu, thu

phân, lập đông, đông chí.

Mười sáu nghề ác: làm hàng thịt, làm đồ tể, nuôi heo dê, đánh cá, đi săn, đánh rập chim, bắt rắn, nuôi gà chó, thờ rồng luyện chú, làm giặc, bắt ăn trộm, làm cai ngục, làm nghề chứa điểm, bán rượu, thợ nhuộm, thợ giặt, ép dầu.

Xuất thế: ra khỏi dục, sắc, vô sắc.

Thiện pháp xuất thế: chỉ cho những pháp tam học (giới, định, tuệ) và lục độ. Nếu thực hành đúng những pháp này thì được thoát ly khỏi ba cõi.

Ba niệm đại bi:

1. Chúng sinh tin Phật thì Phật vui mừng.
2. Chúng sinh không tin Phật, Phật cũng không ưu não.
3. Chúng sinh có kẻ tin kẻ không, Phật cũng không vui không buồn.

Tám món tự tại:

1. Hay hiện ra nhiều thân.
2. Hay hiện thân nhỏ như hạt bụi đầy cả cõi đại thiên.
3. Thân to lớn mà nhẹ nhàng muốn đến đâu hay đến đó.
4. Hay hiện ra vô số loài mà vẫn thường ở một chỗ.
5. Các căn hồ dục.
6. Được tất cả pháp mà vẫn tưởng như không có.
7. Nói nghĩa một bài kệ trải hàng vô lượng kiếp.
8. Thân ở khắp các chỗ cũng như hư không.

Thù: tên số cân đời xưa. Nửa lượng là một thù.

Tứ thiên: sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên. Đó là bốn thiên ở cõi sắc.

Tứ vô sắc định: bốn bậc tu định ở cõi vô sắc: không xứ định, thức xứ định, vô sở hữu xứ định, phi tưởng phi phi tưởng xứ định.

An na bát na: phép đếm hơi thở để nhiếp tâm trừ vọng.

Cây uất kim hương: một giống cỏ có bông rất thơm.

Tô hợp: tô hợp hương, một thứ cây lá to như bàn tay, hoa nhỏ có nhựa rất thơm dùng làm thuốc.

Tòa pháp không: an trụ nơi cảnh giới hiểu rõ các pháp đều không.

Năm minh:

1. Nội minh: thông đạt giáo pháp của Phật
2. Nhân minh: lý luận giỏi
3. Thanh minh: văn chương sinh ngữ đều thông đạt
4. Y phương minh: biết tất cả phương pháp trị bệnh
5. Công xảo minh: biết tất cả nghề nghiệp trong đời.

Hai đế:

1. Chơn đế: là chỉ cho thiện pháp vô lậu
2. Tục đế: là chỉ cho thiện pháp hữu lậu.

Vô sanh nhẫn: ngộ nhập tất cả các pháp tánh vô sanh.

Năm phép tà: tức là năm điều luật ác nghiệp của Đề Bà Đạt Đa.

Năm thứ cay nồng: hành, hạ, tử, nén, hưng cừ (hay kiêu).

Sáu món niệm xứ: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên.

Thô: có thể thấy được.

Tế: không thể thấy được.

Thích Đề Hườn Nhân: tên một vị trời ở trên chót núi Tu Di.

Năm tướng suy: hoa trên đầu héo, y phục nhơ nhóp, đổ mồ hôi nách, thân mình hôi thối, không ưa ngồi trên tòa. Mỗi khi năm tướng ấy hiện là điềm báo trước vị trời ấy khi mạng chung sẽ bị đoạ lạc.

Ngũ thiên sứ giả: sanh, lão, bệnh, tử, lao ngục.

Phi ly: một loài chồn có cánh.

Tám nạn: địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, trường thọ thiên, bắc câu lô châu, đui, điếc, ngọng, liệt, thế trí biện thông, sanh trước Phật hay sau Phật. Sở dĩ gọi là tám nạn là vì ở tám chỗ này, dù cảm thọ quả khổ vui có khác, nhưng đều không được thấy Phật, không được nghe chánh pháp.

Ba ác: địa ngục, ngã quỷ, súc sinh.

Nguồn: Canary / VNthuquan - Thư viện Online

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 08/08/2009 5:10:31 CH